

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

----o0o----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2022)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số/SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2022)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Số điện thoại: 022 5387 7996 Fax: 022 5387 7996
Website: www.tungkhanh.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại: 024 3941 0277 Fax: 024 3941 0323
Website: <https://apsi.vn/>

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Bùi Thị Nhung

Chức vụ: Người được ủy quyền CBTT/Phụ trách quản trị Công ty

Số điện thoại: 0902 033 655



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2022)

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Số điện thoại: 022 5387 7996 Fax: 022 5387 7996
Website: www.tungkhanh.com.vn



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: TKG

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 6.315.312 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 63.153.120.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3941 0277 Fax: 024 3941 0323

Website: <https://apsi.vn/>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

1. Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số MHT05-04 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 022 5353 4655



Website: <http://www.vaco.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: tầng 5 (tầng văn phòng) Tháp B2 tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 5678 3999

Website: <https://uhy.vn/>



MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
1.1. Rủi ro tăng trưởng và lạm phát.....	6
1.2. Rủi ro lãi suất.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro khác.....	9
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. Tổ chức đăng ký niêm yết.....	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	11
PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết:.....	13
1.2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	13
1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.4. Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty.....	18
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	23
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	24
3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....	24
3.2. Diễn giải sơ đồ.....	24
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 02/06/2022.....	29
4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	29
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 02/06/2022.....	30
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết.....	30
5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết.....	30
5.2. Công ty con, công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	30
6. Hoạt động kinh doanh.....	31
6.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm.....	31
6.4. Cơ cấu chi phí.....	38
6.5. Cơ cấu Lợi nhuận gộp.....	39
6.6. Trình độ công nghệ.....	40
6.7. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	43
6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	44
6.9. Hoạt động Marketing.....	44
6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	46
6.11. Các hợp đồng lớn.....	46
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	48
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất.....	48



7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	50
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	52
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành	52
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	53
8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới	54
9. Chính sách đối với người lao động	55
9.1. Cơ cấu lao động của Công ty	55
9.2. Chế độ làm việc	56
9.3. Chính sách tuyển dụng.....	56
9.4. Chính sách đào tạo	56
9.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi.....	57
10. Chính sách cổ tức	57
11. Tình hình hoạt động tài chính	58
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	58
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	66
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	67
12.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	67
12.2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát	74
12.3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban Giám đốc	77
12.4. Kế toán trưởng: Bà Phạm Thúy Nga	77
13. Tài sản.....	78
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	80
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	83
16. Các thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	83
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	84
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	84
1. Loại chứng khoán	84
2. Mệnh giá	84
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	84
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết	84
5. Phương pháp tính giá	85
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	86
7. Các loại thuế có liên quan.....	86
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	87
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	87
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	88
2.1. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2020	88
Website: http://www.vaco.com.vn	88
2.2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2021	88
VII. PHỤ LỤC.....	88



PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

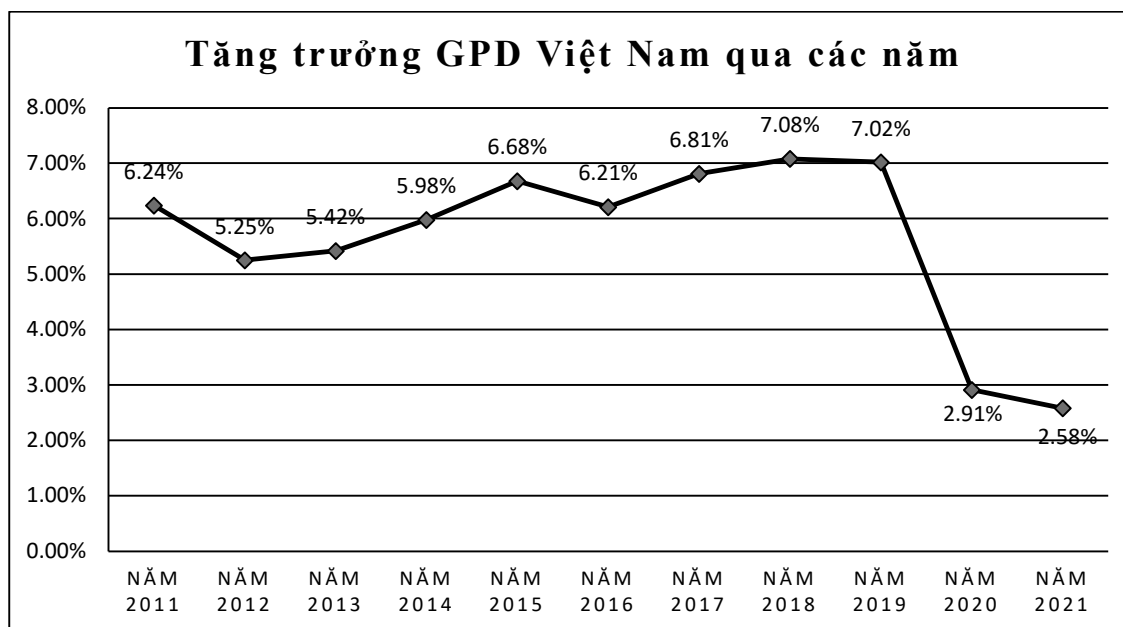
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và thương mại các sản phẩm gia dụng, đồ dùng gia đình bằng inox và phân phối thông qua hệ thống bán buôn kết hợp bán lẻ. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế và đặc biệt là tỷ lệ lạm phát có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giai đoạn năm 2020 - 2021 được xem là giai đoạn khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung trước sự ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Năm 2020 trong bối cảnh nhiều nền kinh tế phát triển trên thế giới tăng trưởng âm do tác động bất lợi của đại dịch toàn cầu Covid-19, Việt Nam vẫn đạt được tăng trưởng GDP 2,91%. Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế - xã hội. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GPD) năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%, quý IV tăng 5,22%.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2022 ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy nền kinh tế nước ta đang trên đà phục hồi sau những ảnh hưởng không nhỏ của dịch bệnh Covid – 19 kéo dài trong suốt thời gian qua.

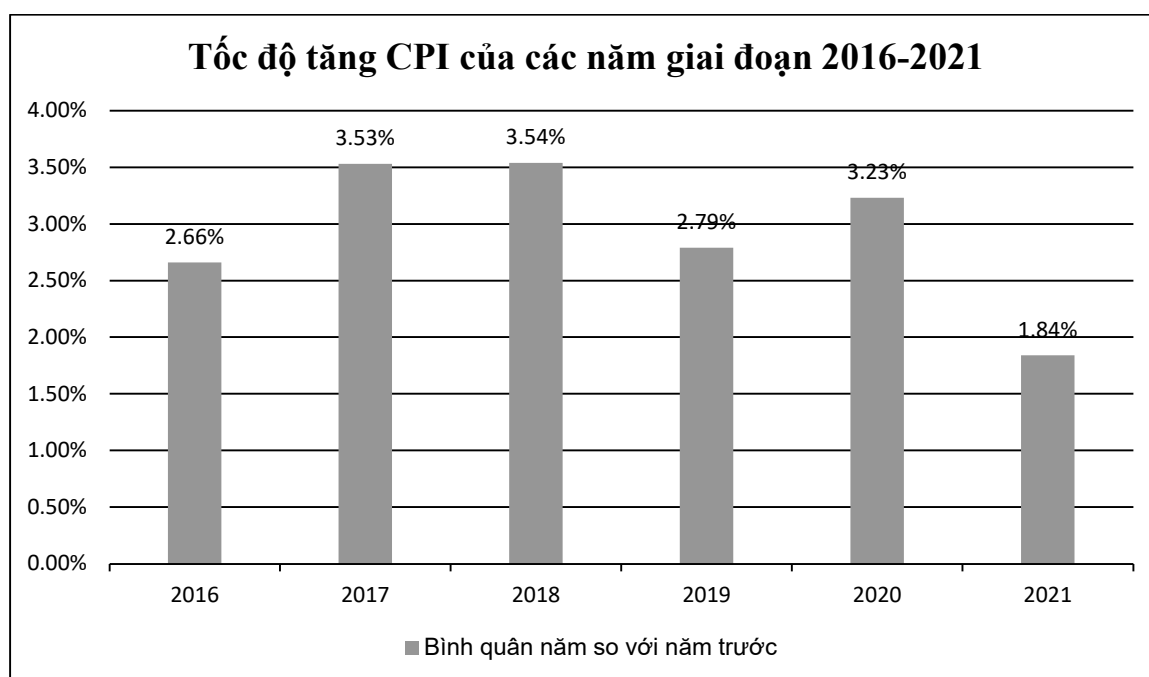


(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Thống kê)



Bên cạnh sự tích cực trong việc đạt tỷ lệ tăng trưởng kinh tế dương trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công.

CPI quý I/2022 tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng của quý I các năm 2017 – 2020. Theo Tổng cục Thống kê, kết quả này là nhờ sự cân đối sản xuất trong nước cũng như việc kiểm soát tăng giá bằng chính sách hiệu quả, thiết thực, không gây áp lực lên nguồn cung.



(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Thống kê)

Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn nhiều khó khăn và diễn biến khó lường do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế Việt Nam vẫn có những tín hiệu khả quan nhất định. Trước những tác động từ nền kinh tế, Công ty cũng đã xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

1.2. Rủi ro lãi suất

Trước sự tác động của dịch Covid-19 trong giai đoạn 2020 - 2021, để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện phục hồi nhanh nền kinh tế, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng đối với nền kinh tế, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước. Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất, tổng mức giảm 1,5% – 2%/năm đối với lãi suất điều hành. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 1% – 1,5%/năm, mặt bằng lãi suất huy động của các ngân hàng giảm khoảng 2% - 2,5%/năm. Trong năm 2021, NHNN duy trì các mức lãi suất thấp này, kết hợp điều hành thanh khoản dồi dào trên thị trường



tiền tệ. Tính đến cuối năm 2021, lãi suất huy động và cho vay VND bình quân của TCTD giảm tương ứng khoảng 0,51%/năm và 0,81%/năm so với cuối năm 2020 sau khi đã giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020. Lãi suất cho vay bình quân đối với các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ là 4,3%/năm (thấp hơn mức trần quy định là 4,5%/năm).

Ngân hàng Nhà nước ban hành kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ. Theo đó định hướng của Ngân hàng Nhà nước là điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ, phối hợp đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ khác, chỉ đạo các Tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5% - 1% trong 2 năm 2022 và 2023. Trong quý I/2022, mặt bằng lãi suất có biến động do nhu cầu vốn của nền kinh tế tăng nhưng mức điều chỉnh không quá lớn.

Đối với Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, hầu hết các khoản vay ngân hàng của Công ty là vay ngắn hạn với hạn mức cố định để tài trợ vốn lưu động. Do đó, những rủi ro về mặt lãi suất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không quá lớn, Công ty có thể chủ động khắc phục thông qua một số biện pháp như: đẩy nhanh thu hồi công nợ, tăng cường chiếm dụng vốn,... để trả các khoản vay ngắn hạn.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty đại chúng và giao dịch trên Thị trường Chứng khoán tập trung nên hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên hiện nay, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, ... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong lĩnh vực sản xuất do những biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cải tiến công nghệ mới, ... Để hạn chế các rủi ro trên, Công ty đã chủ động đa dạng hóa các nguồn cung sản phẩm, lên kế hoạch chi tiết cho việc nhập kho nguyên vật liệu để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu sử dụng sản xuất sản phẩm và hạn chế sự ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả.



4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Đặc biệt rủi ro dịch bệnh Covid – 19 hiện nay ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động cuộc sống của người dân trên toàn thế giới cũng như ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Bà: Bùi Thị Yến	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Phạm Tùng Linh	Chức vụ: Giám đốc
Bà: Phạm Thúy Nga	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Nguyễn Thị Thùy	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Ông: Trần Thiên Hà	Chức vụ: Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Chứng khoán APG
--------------------	--

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán APG tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh cung cấp.



PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

➤ Các khái niệm

1. **“Công ty”**: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
2. **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
3. **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
4. **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
5. **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
6. **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
7. **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
8. **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
9. **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
10. **“Ban Giám đốc”**: Ban Giám đốc của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
11. **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
12. **“Tổ chức đăng ký niêm yết”**: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
13. **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
14. **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty cổ phần chứng khoán APG

➤ Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch:

DT	Doanh thu
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
HDQT	Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh



BKS	Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
GD	Giám đốc của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
BGD	Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh
TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VCSH	Vốn chủ sở hữu
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.



PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết:

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH
- Trụ sở chính : Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Điện thoại : 022 5387 7996
- Website : www.tungkhanh.com.vn
- Email : tungkhanh@tungkhanh.com.vn
- Logo:



- Giấy CNĐKKD: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2022
- Người Đại diện theo : Ông: Phạm Tùng Linh Chức danh: Giám đốc pháp luật
- Vốn điều lệ đăng ký : **63.153.120.000 đồng** (Sáu mươi ba tỷ một trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp : **63.153.120.000 đồng** (Sáu mươi ba tỷ một trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu : **TKG**
- Thời điểm đại chúng : **23/11/2020**

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2022, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599 (Chính)



STT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất lan can thang inox, cửa nhôm cuốn; Sản xuất ống và các sản phẩm bằng inox	
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh); Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ	4669
3	Sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	3100
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đệm các loại	3290
5	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình	4330
7	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn thảm, đệm, chăn màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn giày dép	4641
8	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn giấy, sản phẩm từ giấy; Bán buôn dao cạo râu, đồng hồ, kính mắt, máy ảnh; Bán buôn xe đạp và các phụ tùng xe đạp; Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi (không bao gồm sản phẩm đồ chơi, trò chơi Nhà nước cấm); Bán buôn găng tay PE; PVC; găng tay cao su	4649



1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 1998, các cổ đông sáng lập của Công ty phát triển hoạt động kinh doanh cá nhân và lên ý tưởng thành lập doanh nghiệp.

Ngày 07/03/2000, Công ty TNHH Tùng Khánh chính thức được thành lập với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, do 2 thành viên sáng lập là ông Phạm Văn Hiếu (tỷ lệ góp vốn là 60%) và bà Bùi Thị Yến (tỷ lệ góp vốn là 40%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất đệm mút và các sản phẩm inox gia dụng như bàn ghế, giường tủ, thiết bị nhà bếp inox.

Năm 2012, tận dụng nguồn nguyên vật liệu đầu vào chất lượng với giá ưu đãi và mạng lưới khách hàng sẵn có từ hoạt động phân phối sản phẩm sản xuất, Công ty đã phát triển thêm hoạt động thương mại các sản phẩm như thép không gỉ, vải tấm, hóa chất, hạt nhựa,...

Ngày 16/10/2017, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng, đổi tên thành Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.

Ngày 29/03/2018, nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ cho kế hoạch hợp tác kinh doanh, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Ngày 29/05/2019, Công ty hoàn tất việc giảm vốn điều lệ xuống 46,3 tỷ đồng thông qua việc mua lại cổ phần của cổ đông để phù hợp với thực trạng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngày 23/11/2020, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh nhận được Công văn số: 6906/UBCK-GSĐC ngày 23/11/2020 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Toàn bộ số cổ phần của Công ty đã được đăng ký lưu ký lần đầu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 03/2021/GCNCP-VSD ngày 06/01/2021. Công ty đã thực hiện Đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và chính thức giao dịch trên sàn UPCOM từ ngày 09/04/2021 với mã chứng khoán TKG.

Năm 2021, nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện chủ trương của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, ngày 18/11/2021, Công ty đã hoàn thành việc chào bán 463.000 cổ phiếu ra công chúng theo tỷ lệ 10:1 với mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 50,93 tỷ đồng.

Ngày 22/04/2022, Công ty đã phát hành thành công 1.222.312 cổ phần trả cổ tức năm 2021, tăng vốn điều lệ Công ty lên 63.153.120.000 đồng. Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 2 số 03/2021/GCNCP-VSD-2 ngày 18/05/2022 và thực hiện thủ tục thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 20/05/2022 ghi nhận số vốn mới trên. Số cổ phiếu phát hành thêm đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung theo Quyết định số 349/QĐ-SGDHN ngày 27/05/2022.

Sau hơn 21 năm hoạt động và phát triển, Tùng Khánh đã trở thành một thương hiệu uy tín trong lĩnh vực sản xuất đồ inox và đệm cao cấp trên thị trường trong và ngoài nước. Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh là một trong những công ty có tốc độ phát triển nhanh và có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của địa phương. Các sản phẩm như: phụ kiện trang trí nội – ngoại thất, đệm Hàn Quốc cao cấp, đồ gia dụng và thiết bị nhà bếp inox của Công ty đã có mặt trên nhiều tỉnh thành khắp cả nước và đã được xuất khẩu sang một số nước như: Nhật Bản, Mỹ cùng một số nước ASEAN. Bên cạnh hoạt động sản xuất, mảng hoạt động thương mại của Tùng Khánh cũng dần khẳng định hình ảnh của Công ty trên thị trường với chất lượng và sự linh hoạt, hỗ trợ đắc lực trong việc lưu thông hàng hóa cho mảng hoạt động sản xuất. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn giai đoạn năm 2020 – 2021 bởi sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19, Công ty Tùng Khánh đã phát triển thêm hoạt động kinh doanh về các thiết bị phụ trợ trong lĩnh vực y tế như giường bệnh inox, găng tay, tủ thuốc, xe đẩy,...

Hình 1: Một số hình ảnh về CTCP Sản xuất và thương mại Tùng Khánh





Sản phẩm của Tùng Khánh đã đạt được một số huy chương, bằng khen tại các hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trên toàn quốc. Thương hiệu Tùng Khánh đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, góp phần khẳng định tên tuổi của Công ty trên thị trường. Với chiến lược tập trung vào con người, Công ty luôn cố gắng chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Đây chính là giá trị cốt lõi để Công ty phát triển như ngày hôm nay, giúp Công ty luôn giữ được vị thế, hình ảnh trong mắt khách hàng và đối tác.



1.4. Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty

Từ khi chuyển thành công ty cổ phần (16/10/2017) đến nay, Công ty đã thực hiện 04 lần thay đổi vốn điều lệ. Chi tiết quá trình thay đổi vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Báo cáo các lần thay đổi vốn của Công ty

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức tăng/giảm vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
1	28/03/2018	30.000.000.000	60.000.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu - Hình thức phát hành: Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu + phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Hình thức tăng vốn: + Nguồn vốn khác của chủ sở hữu (do các cổ đông đã góp trước đó nhưng chưa chuyển thành vốn điều lệ): 3.122.627.711 đồng; + Nguồn thu từ phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu: 26.877.372.489 đồng; - Tỷ lệ phát hành: 1:1 - Số cổ đông tham gia: 04 cổ đông 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 0502/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2018 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/03/2018;



Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức tăng/giảm vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
				<p>- Mục đích sử dụng vốn: Số tiền thực tế thu được từ đợt tăng vốn là 26.877.372.489 đồng được Công ty sử dụng như sau:</p> <p>+ Góp thêm vốn hợp tác kinh doanh với ông Phạm Văn Hiếu trong Dự án “Đầu tư chuyển đổi vùng ruộng trũng để hoang hóa Trung Dũng tại cụm Gò Công III, phường Phù Liên sang mô hình kinh tế trang trại tổng hợp (V.A.C)” tại cụm Gò Công III, phường Phù Liên, quận Kiến An, Hải Phòng: 6.000.000.000 đồng (<i>Sáu tỷ đồng</i>)</p> <p>+ Sử dụng để tạm ứng tiền hàng cho các nhà cung ứng theo các hợp đồng đã được ký kết: 19.935.000.000 đồng (<i>Mười chín tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu đồng</i>);</p> <p>+ Sử dụng để bổ sung vốn lưu động 942.372.489 đồng.</p>	
2	20/05/2019	-13.700.000.000	46.300.000.000	<p>- Số lượng cổ phiếu mua lại: 1.370.000 cổ phiếu</p> <p>- Giá mua lại: 10.000 đồng/cổ phiếu</p>	<p>+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 2704/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TKG ngày 27/04/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và</p>



Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức tăng/giảm vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
				<p>- Hình thức giảm vốn: Mua lại cổ phần của cổ đông hiện hữu</p> <p>- Tỷ lệ mua lại: 100:22,83</p> <p>- Số cổ đông hiện hữu: 104 cổ đông</p> <p>- Mục đích giảm vốn: Do chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và ông Phạm Văn Hiếu trong Dự án “Cải tạo khai hoang vùng ruộng trũng sang mô hình sinh thái tổ chức sự kiện và trang trại (V.A.C)” tại cụm Gò Công III, phường Phù Liễn, quận Kiến An, Hải Phòng, tổng giá trị: 13.700.000.000 đồng (Mười ba tỷ bảy trăm triệu đồng). Do xét trên tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế, Công ty chưa có nhu cầu sử dụng số lượng nguồn vốn trên nên Công ty quyết định mua lại cổ phần của cổ đông hiện hữu và đăng ký giảm vốn nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông, tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn của Công ty và theo đúng quy định của Pháp luật.</p>	<p>Thương mại Tùng Khánh thông qua việc giảm vốn điều lệ xuống 46,3 tỷ đồng;</p> <p>+ Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 0605/2019/NQ-HĐQT/TKG ngày 06/05/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh báo cáo việc giảm vốn điều lệ xuống còn 46,3 tỷ đồng;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29/05/2019;</p>



Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức tăng/giảm vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
3	18/11/2021	4.630.000.000	50.930.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phiếu phát hành: 463.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu - Hình thức phát hành: phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu - Tỷ lệ phát hành: 10:1 - Số cổ đông tham gia: 45 cổ đông - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh; + Nghị quyết HĐQT số 25A/2021/NQ-HĐQT ngày 25/06/2021 thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2021; + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 169/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/09/2021; + Công văn xác nhận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 7668/UBCK-QLCB do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/11/2021; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 (sau khi tăng vốn)

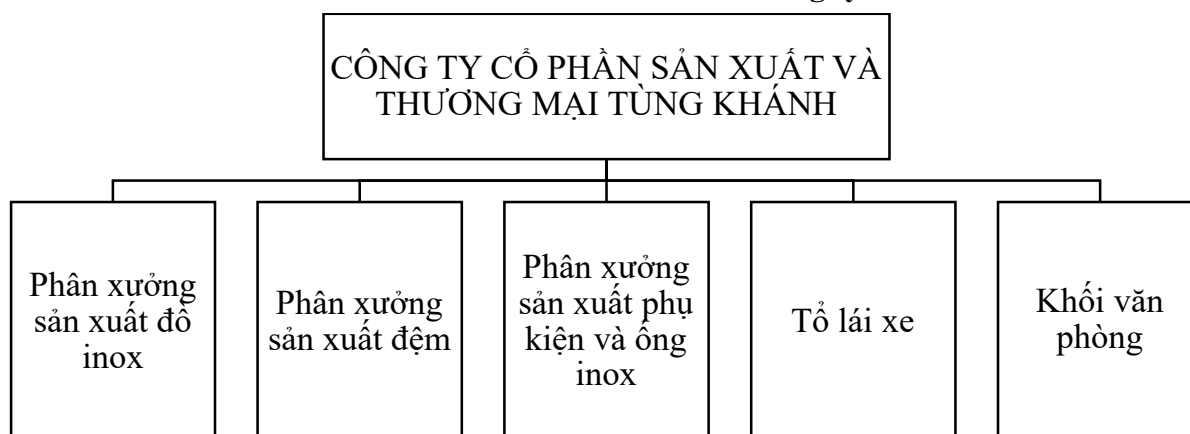


Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức tăng/giảm vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
4	22/04/2022	12.223.120.000	63.153.120.000	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.222.312 cổ phiếu - Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 - Tỷ lệ phát hành: 100:24 - Số cổ đông tham gia: 166 cổ đông 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2022 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh; + Nghị quyết HĐQT số 002/2022/TKG/NQ-HĐQT ngày 19/03/2022 thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021; + Công văn số 1511/UBCK-QLCB ngày 25/03/2022 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TKG; + Công văn xác nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2578/UBCK-QLCB do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/05/2022; + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2022

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Trụ sở chính: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2022.

❖ Phân xưởng sản xuất inox

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng

Diện tích: 2.040 m²

Chức năng – nhiệm vụ chính: Sản xuất các sản phẩm đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp và đồ trang trí nội ngoại thất bằng inox. Các sản phẩm chính của phân xưởng có thể kể tới: bàn, ghế, trạm bát, giá để đồ, móc treo quần áo, cổng xếp điện tử, cổng barie, cổng cò, lan can, tay vịn cầu thang.

❖ Phân xưởng sản xuất đệm

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng

Diện tích: 586,5 m²

Chức năng – nhiệm vụ chính: Thực hiện các công đoạn sản xuất đệm và lưu trữ bảo quản đệm.

❖ Phân xưởng sản xuất phụ kiện và ống inox

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng

Diện tích: 637,5 m²



Chức năng – nhiệm vụ chính: sản xuất các sản phẩm phụ kiện, các chi tiết rời, để chuyển lên cho xưởng sản xuất inox.

❖ **Tổ lái xe**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng

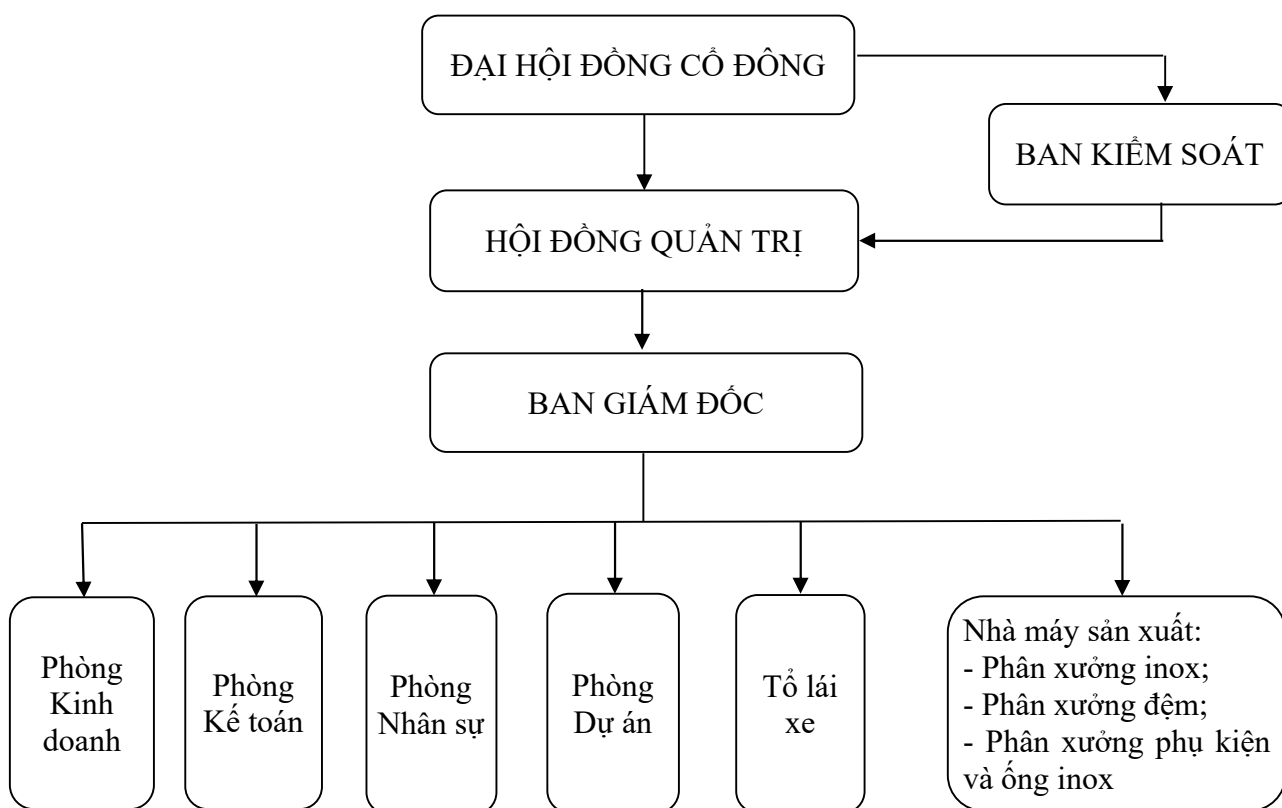
Chức năng – nhiệm vụ chính: phụ trách quản lý và bảo dưỡng xe của Công ty, điều phối các xe vận chuyển hàng hóa và xe công vụ theo kế hoạch hoạt động của các phòng ban/đơn vị trong toàn Công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Hiện tại, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

3.2. Diễn giải sơ đồ

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông



Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Quyết định số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận. Xây dựng phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2.3. Ban Kiểm soát



Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2.5. Các phòng ban khác:

- **Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty, giúp việc cho HĐQT/BGD ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh, cụ thể:

- Kết hợp với các phân xưởng sản xuất lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn theo kế hoạch phát triển của Công ty;
- Phối hợp giữa các phân xưởng và đội xe để lập kế hoạch vận chuyển, logistics hiệu quả;



- Nghiên cứu thị trường, đưa ra các dự báo về tình hình biến động cung – cầu trên thị trường, qua đó đưa ra các giải pháp, tham mưu cho Ban lãnh đạo và báo cáo kết quả kinh doanh;
- Đề xuất xây dựng chính sách và quản lý trực tiếp mạng lưới nhà phân phối;
- Lập kế hoạch và triển khai các chiến lược marketing đồng bộ; trực tiếp tham gia các hội chợ, hội thảo giới thiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại; xây dựng hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng mục tiêu;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để lên kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ tài liệu và tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc đàm phán và ký kết các hợp đồng kinh tế, đồng thời xây dựng kế hoạch hợp tác, liên doanh đầu tư với các đối tác – khách hàng trong và ngoài nước.

- **Phòng Kế toán**

Phòng Kế toán có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Thu thập, lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán; theo dõi, tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty, báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Lập và thông qua báo cáo tình hình tài chính doanh nghiệp, giúp Giám đốc có cơ sở để chỉ đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính;
- Phân tích tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu những biện pháp và chỉ tiêu kế hoạch tài chính cho Ban Giám đốc.

- **Phòng Nhân sự**

Phòng Nhân sự có các chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự trong Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên;
- Thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động phù hợp với bộ Luật Lao động được Nhà nước ban hành;
- Quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động, kế hoạch quỹ tiền lương hàng năm;



- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động vào các phòng ban, đơn vị của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của các bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng tại Công ty;
- Thực hiện các chức năng và hoạt động khác theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

- **Phòng Dự án**

Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT/Ban Giám đốc ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực đầu tư và thi công dự án. Phòng Dự án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý vốn đầu tư và hoạt động xây dựng tại tất cả các dự án mà Công ty là chủ đầu tư hoặc hợp tác đầu tư. Kết hợp với chủ đầu tư thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, các công việc phát sinh và tiến trình nghiệm thu thanh toán của từng dự án;
- Nghiên cứu, lập hồ sơ dự thầu, dự toán số vốn bỏ thầu cho các dự án mà Công ty cung cấp sản phẩm inox, đệm,...;
- Chuẩn bị đầy đủ các thủ tục, tài liệu, lập hồ sơ mời dự thầu; đàm phán, tổ chức lựa chọn nhà thầu phụ cho các dự án;
- Quản lý hoạt động của các nhà thầu phụ, đảm bảo tiến độ cung cấp thiết bị, sản phẩm; đảm bảo các chỉ tiêu cơ bản: khối lượng, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường;
- Thực hiện các công việc khác được Ban lãnh đạo giao phó.

- **Tổ lái xe**

Tổ lái xe có nhiệm vụ:

- Quản lý và bảo dưỡng đội ngũ xe của Công ty; báo cáo với Phòng Kế toán các chi phí phát sinh như chi phí cầu đường, chi phí xăng xe, bảo dưỡng,...;
- Kết hợp với Phòng Kinh doanh và các phân xưởng sản xuất lập kế hoạch vận chuyển hàng hàng theo yêu cầu của các đơn hàng;
- Phối hợp với Phòng Nhân sự lập thời gian biểu điều phối xe công tác và di chuyển phù hợp cho các lãnh đạo và nhân viên Công ty;
- Các công việc khác do Ban lãnh đạo giao phó.

- **Nhà máy sản xuất**

Các phân xưởng sản xuất có chức năng và nhiệm vụ chính như sau:



- Điều phối sản xuất: điều phối hoạt động sản xuất của các tổ sản xuất trong Công ty căn cứ vào tính năng chuyên môn hóa, máy móc thiết bị và lợi thế của từng phân xưởng sản xuất; quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ và thực hiện việc điều chuyển hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt toàn Công ty;
- Quản lý và đặt kế hoạch cho việc kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ các máy móc trang thiết bị trong quá trình sản xuất; đề xuất các phương án thay thế, bổ sung khi cần thiết;
- Xây dựng kế hoạch đầu tư mua mới hoặc nâng cấp trang thiết bị máy móc ngắn hạn và trung hạn cho Công ty. Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật sản xuất tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực sản xuất của Công ty, phù hợp với trình độ lao động và tình hình tài chính của Công ty; đề xuất phương án đầu tư chuyển giao hoặc cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tìm kiếm và lựa chọn các đối tác chuyển giao công nghệ có uy tín, hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty trong việc đàm phán với các đối tác công nghệ kỹ thuật;
- Hướng dẫn và phối hợp với các phòng ban/đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm và kế hoạch trung dài hạn để xây dựng đồng bộ các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng và theo dõi tiến độ thực hiện quá trình sản xuất, phân công và giao kế hoạch cho các phân xưởng và đơn vị trực thuộc phân xưởng;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn KPI làm cơ sở cho Giám đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị sản xuất trực thuộc; hỗ trợ Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, đề xuất các biện pháp xử lý cần thiết khi có vấn đề phát sinh;
- Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc triển khai áp dụng bộ hệ thống quản lý chất lượng của Việt Nam và trên thế giới vào hoạt động sản xuất của Công ty; tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc hiệu chỉnh bộ hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty nếu cần thiết;
- Thống kê báo cáo theo chế độ, viết lệnh sản xuất, nhập – xuất kho, bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý; giữ bí mật thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 02/06/2022

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 2: Cơ cấu cổ phiếu phổ thông tại ngày 02/06/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	174	6.315.312	63.153.120.000	100%
1	Tổ chức	1	116.000	1.160.000.000	1,84



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
2	Cá nhân	173	6.199.312	61.993.120.000	98,16
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
Tổng cộng		174	6.315.312	63.153.120.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 02/06/2022 do VSD cấp)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 02/06/2022

Tính đến thời điểm ngày 02/06/2022, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh không có cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu

Ngày 16/10/2017, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần với số vốn là 30 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5. Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

5.2. Công ty con, công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

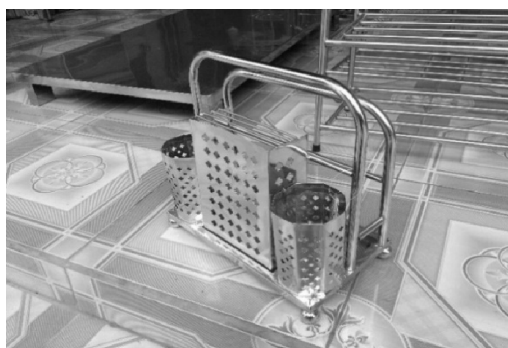
6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động sản xuất: sản xuất đồ gia dụng inox, công xép điện, thiết bị y tế inox, các sản phẩm trang trí nội – ngoại thất làm từ inox, các loại vật tư cơ khí, gia công đệm Hàn Quốc,...
- Hoạt động thương mại một số các mặt hàng khác như: thép không gỉ, vải tấm, hóa chất, hạt nhựa, găng tay (nylon và cao su), máy móc sản xuất nhỏ,...
- Hoạt động khác: các dịch vụ liên quan đến vận chuyển, logistics.

Hình 2 – Một số sản phẩm sản xuất tiêu biểu



Kệ dao thớt, đũa đa năng



Trạm bát lắp ráp



Cổng trượt tự động



Cổng xếp điện



Barrier tự động

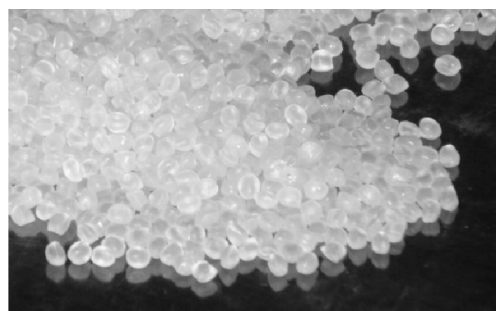


Đệm cao cấp Hàn Quốc

Hình 3 – Một số sản phẩm thương mại tiêu biểu



Thép không gỉ dạng dây cuộn



Hạt nhựa LDPE



Hóa chất PPG



Hóa chất TDI



Găng tay cao su



Găng tay nylon

6.1.1. Hoạt động sản xuất

Hoạt động sản xuất là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty kể từ khi thành lập cho đến nay. Sản phẩm chính của Công ty bao gồm các sản phẩm inox như: đồ gia dụng inox, công xép điện, thiết bị y tế inox, các sản phẩm trang trí nội – ngoại thất làm từ inox, các loại vật tư cơ khí,... Bên cạnh việc sản xuất các sản phẩm inox gia công theo yêu cầu, Công ty phát triển hệ thống các cửa hàng phân phối đồ gia dụng Inox Tùng Khánh tại một số các tỉnh thành như Thái Bình, Quảng Ninh, Ninh Bình, Nam Định, Lạng Sơn, Hà Nam,... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện nhập khẩu và gia công đệm Hàn Quốc để phân phối tại thị trường trong nước.

Bảng 3: Sản lượng sản phẩm sản xuất qua các năm



STT	Nhóm sản phẩm	Năm 2020			Năm 2021			31/03/2022		
		Sản lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ trên tổng DTT	Sản lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ trên tổng DTT	Sản lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ trên tổng DTT
1	Công inox	257 bộ công	8.777	6,7%	167 bộ công	5.115	3,4%	52 bộ công	899	4,5%
2	Công đẩy, cửa xếp	149 m2	654	0,5%	193 m2	659	0,4%	21,2 m2	38,3	0,2%
3	Đồ gia dụng inox	20.827 sản phẩm	2.609	2,0%	22.563 sản phẩm	4.181	2,8%	859 sản phẩm	225,4	1,13%
4	Thiết bị y tế inox	9 sản phẩm	25,3	0,02%	87 sản phẩm	283	0,2%	52 sản phẩm	101,3	0,5%
5	Đệm	114 sản phẩm	127	0,1%	5 sản phẩm	14	0,01%	50 sản phẩm	30	0,15%
6	Màng nhựa gia công	-	-	-	67 tấn	2.636	1,8%	-	-	-
7	Gia công Inox	39.773 sản phẩm	11.286	8,6%	13.400 sản phẩm	3.852	2,6%	2.744 sản phẩm	604,1	3,02%
Tổng			23.478	17,8%		16.740	11,2%		1.898	9,5%

(CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Năm 2021, với những khó khăn vì ảnh hưởng của các đợt giãn cách xã hội dẫn đến sản lượng mảng sản xuất của công ty giảm đáng kể so với năm 2020, các đơn đặt hàng công inox và đặt gia công inox đều giảm mạnh. Tuy nhiên trong năm 2021 công ty đã phát triển thêm mảng gia công màng nhựa cũng đã phần nào giúp tăng nguồn thu và hiệu quả hoạt động cho công ty.

Tính đến hết Quý 1/2022, sản lượng mảng sản xuất của Công ty đạt 1,89 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 9,5% tổng doanh thu thuần của Công ty, tăng nhẹ 0,09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 đạt 1,8 tỷ đồng), trong đó các đơn đặt hàng công, thiết bị y tế inox đã tăng trở lại so với năm 2021.

6.1.2. Hoạt động thương mại



Hoạt động thương mại đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Ngoài các sản phẩm thương mại chính như: thép không gỉ, vải tấm, hóa chất ngành nhựa, hạt nhựa,... Công ty còn mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng theo xu hướng thị trường. Trong năm 2020, dịch bệnh Covid – 19 bùng nổ và diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, nhu cầu sử dụng các sản phẩm y tế trong nước và ngoài nước tăng cao, Công ty đã thực hiện nhập các sản phẩm găng tay thu mua từ các nhà sản xuất, sau đó thực hiện phân loại và đóng gói bao bì thành phẩm, chia lô để xuất khẩu sang các nước Châu Âu với các thị trường chính là Tây Ban Nha, Bỉ, Israel; bên cạnh đó, Công ty cũng nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang để phân phối tại thị trường trong nước.

Bảng 4: Sản lượng sản phẩm dịch vụ qua các năm

STT	Nhóm sản phẩm	Năm 2020			Năm 2021			31/03/2022		
		Sản lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ trên tổng DTT	Sản lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ trên tổng DTT	Sản lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ trên tổng DTT
1	Thép không gỉ, inox	42 tấn	1.524	1,2%	250 tấn	8.348	5,6%	574 tấn	47,7	0,24%
2	Găng tay	250 tấn	38.473	29,2%	150 tấn	19.698	13,1%	1,1 tấn	548,3	2,75%
3	Hạt nhựa	1.065 tấn	30.942	23,5%	7.773 tấn	43.140	28,8%	294 tấn	10.522	52,7%
4	Hóa chất (ngành nhựa)	546 tấn	21.612	16,4%	621 tấn	34.502	23,0%	10 tấn	581,5	2,91%
5	Khẩu trang	1,54 triệu sản phẩm	532	0,4%	717.500 sản phẩm	308	0,2%	-	-	-
6	Máy sản xuất khẩu trang	4 máy	5.344	4,1%	-	-	-	-	-	-
7	Túi nhựa	63,8 tấn	2.451	1,9%	622 tấn	21.480	14,3%	114 tấn	6.386	31,9%



8	Vải	153.746 m	6.287	4,8%	96.000 m	2.800	1,9%	-	-	-
Tổng			107.165	81,3%		130.276	86,9%		18.086	90,5%

(CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Năm 2021 ghi nhận sự tăng giá rất mạnh từ nhóm hàng thép, thép không gỉ, inox, do đó sản lượng thương mại nhóm ngành này cũng tăng trưởng đáng kể. Đối với các nhóm hàng gang tay và khẩu trang, năm 2021 ghi nhận giảm so với năm 2020 vì dịch bệnh năm 2021 đã kiểm soát tốt hơn nhờ việc tiêm vacxin. Hiện nay, với nhu cầu rất lớn của ngành nhựa, Công ty đã tận dụng những nguồn lực hiện có để phát triển tiêu thụ mạnh hơn sản phẩm túi nhựa và hạt nhựa trong năm 2021.

Tính đến hết Quý I/2022, sản lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty đạt 18,08 tỷ, giảm 11,75 tỷ so với cùng kỳ (quý I/2021 đạt 29,83 tỷ). Quý I/2022 ghi nhận giảm doanh thu so với cùng kỳ 2021 chủ yếu là do doanh thu bán gang tay và hóa chất giảm mạnh. Trong quý I/2022 chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao, bởi sự tăng đột biến của giá dầu và do những chính sách chống Covid-19 của Trung Quốc làm ách tắc hệ thống Logistics toàn cầu; nhân tố này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thương mại và xuất khẩu của Công ty.

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu của công ty

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất đồ gia dụng cần các nguyên vật liệu như: thép không gỉ, ống inox, vải, cao su, ... Đối với hoạt động thương mại, các yếu tố đầu vào của công ty chủ yếu là: thép, hạt nhựa, gang tay, hóa chất,... Một số nhà cung cấp tiêu biểu của công ty như sau:

Bảng 5: Danh sách nhà cung ứng tiêu biểu

STT	Tên nhà cung ứng	Địa chỉ	Sản phẩm cung ứng
1	Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Gia Thành	Đường số 3, cụm CN Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, Long An	Hạt nhựa
2	Công ty THNN Lộc Đình Phát	833 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Găng tay
3	Công ty cổ phần Thương mại Hoàng Hải	Số 64 phố Hà Trung, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thép không gỉ, màng nhựa, vải



STT	Tên nhà cung ứng	Địa chỉ	Sản phẩm cung ứng
4	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Hải Hưng Yên	Xã Trung Hưng, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	Hóa chất, hạt nhựa
5	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Khánh Linh	Số 96A đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, Hải Phòng	Thép không gỉ, ống inox, hạt nhựa
6	CTCP Vận tải và Thương mại VEAM	Số 2 đường Triệu Quốc Đạt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hạt nhựa, hóa chất
7	Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ Thành Lợi	Tầng 1, Tòa nhà Packsimex, 52 Đông Du, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Hạt nhựa, màng nhựa, găng tay
8	Công ty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư Minh Phú Thành	Tầng hầm, Block B2, Topaz City, Số 39 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, TP Hồ Chí Minh	Hạt nhựa

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho Công ty đều là các đơn vị có uy tín, có thời gian hoạt động lâu dài trong ngành và đã hợp tác với Công ty lâu năm, do đó các sản phẩm đầu vào của Công ty không những đảm bảo về chất lượng sản phẩm mà còn cạnh tranh về giá cả. Bên cạnh các nhà cung cấp truyền thống, công ty cũng phát triển thêm hệ thống các nhà cung cấp thay thế để đảm bảo giá cả đầu vào hợp lý nhất theo giá thị trường.

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới Doanh thu Lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty (khoảng 55 – 60%) do đó sự biến động của giá nguyên vật liệu đều sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng quá cao, sẽ kéo theo giá thành sản phẩm cũng tăng cao, khi đó người tiêu dùng, khách hàng có xu hướng chờ những giai đoạn giá nguyên liệu hạ nhiệt hơn để mua sản phẩm; như vậy Doanh thu bán hàng của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng. Mặc dù có sự biến động khá mạnh mẽ về giá thép, inox trong thời gian qua, tuy nhiên Công ty luôn dự tính lượng hàng tồn kho hợp lý trong từng thời kỳ, do đó vẫn duy trì được nguồn nguyên liệu với mức biến động giá trong sự kiểm soát; từ đó luôn đảm bảo được giá sản phẩm cạnh tranh trên thị trường.

6.3. Cơ cấu doanh thu thuần



Với thế mạnh sản xuất kinh doanh lâu đời, hệ thống cửa hàng phân phối sản phẩm tại nhiều tỉnh thành trong nước và tạo dựng được uy tín đối với khách hàng, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm 2021/2020		Quý I năm 2022	
		Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng hóa	107.264.961.940	81,4	134.664.708.643	89,8	27.399.746.703	25,54	18.086.048.053	90,5
2	Doanh thu bán thành phẩm	23.478.390.572	17,82	16.740.889.998	11,16	-6.737.500.574	-28,7	1.898.657.600	9,5
3	Doanh thu khác	1.122.543.916	0,85	2.937.937.500	1,96	1.815.393.584	161,7	100.000	0,001
4	Các khoản giảm trừ doanh thu	-99.385.926	-0,07	(4.388.140.510)	-2,93	-4.288.754.584	4315	0	-
	Doanh thu thuần	131.766.510.502	100	149.955.395.631	100	18.188.885.129	13,8	19.984.805.653	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý 1/2022 của Công ty)

Tổng doanh thu thuần của Công ty năm 2021 đạt 149,9 tỷ đồng, tăng 13,8% so với tổng doanh thu thuần năm 2020; sự tăng trưởng doanh thu trong năm 2021 đến từ việc Công ty đẩy mạnh hoạt động thương mại xuất khẩu các sản phẩm hạt nhựa, găng tay, túi nhựa cho các khách hàng nước ngoài.

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, doanh thu bán hàng hóa chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 80% - 90% tổng doanh thu hàng năm, tiếp đến là doanh thu bán thành phẩm đóng góp khoảng 10% - 20%, còn lại là doanh thu khác với tỷ trọng không đáng kể. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty có sự thay đổi đáng kể, trong đó doanh thu bán hàng năm 2021 tăng hơn 27 tỷ so với năm 2020, tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng từ mức 81,4% năm 2020 lên 89,8% năm 2021; doanh thu bán thành phẩm năm 2021 giảm 6,7 tỷ đồng so với năm 2020, qua đó tỷ trọng trên doanh thu thuần giảm từ 17,8% năm 2020 xuống 11,16% năm 2021. Năm 2021, với thời gian giãn cách xã hội kéo dài, hoạt động sản xuất công ty gặp nhiều khó khăn từ khâu tiêu thụ đến khâu vận hành, do đó công ty đã đẩy mạnh các hoạt động thương mại, dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu Doanh thu thuần như trên.

Khoản giảm trừ doanh thu nguyên nhân do hàng bán bị trả lại; Công ty đã có những điều chỉnh, sát sao trong giám sát thông số, tiêu chí sản phẩm để có thể đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, đặc biệt là những khách hàng nước ngoài khó tính.



Tổng doanh thu thuần của Công ty Quý 1/2022 đạt 19,98 tỷ đồng giảm hơn 20% so với cùng kỳ năm 2021 (quý 1 năm 2021 doanh thu đạt 29,99 tỷ đồng) do tình hình dịch bệnh Covid – 19 đã được kiểm soát nên doanh thu từ mảng thiết bị y tế như khẩu trang, găng tay của Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ. Với chủ trương tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thương mại theo xu hướng thị trường của Ban lãnh đạo, cơ cấu doanh thu thuần của Công ty chủ yếu là doanh thu bán hàng hóa với tỷ trọng 90,5%, tiếp đến là doanh thu bán thành phẩm với tỷ trọng 9,5%.

6.4. Cơ cấu chi phí

❖ Tỷ trọng và cơ cấu chi phí

Bảng 7: Cơ cấu chi phí

ĐVT giá trị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng giảm 2021/2020		Quý I năm 2022	
		Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	119.343.945.846	90,5	136.816.320.404	91,24	17.472.374.558	14,6	17.981.684.398	89,98
2	Chi phí bán hàng	2.825.141.426	2,1	3.218.656.232	2,2	393.514.806	13,9	271.747.245	1,36
3	Chi phí QLDN	3.313.380.136	2,5	2.924.071.638	1,95	-389.308.498	-11,7	564.291.866	2,82
4	Chi phí tài chính	2.535.799.169	2,2	2.501.399.020	1,67	-34.400.149	-1,4	591.627.102	2,96
5	Chi phí khác	262.649.662	0,04	239.832.262	0,16	-22.817.400	-8,7	46.104	0,0002
	Tổng	128.280.916.239	97,4	145.700.279.556	97,2	17.419.363.317	13,6	19.409.396.715	97,1

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý 1/2022 của Công ty)

Tổng chi phí của Công ty năm 2021 là 145,7 tỷ đồng, tăng 17,4 tỷ đồng tương đương 13,6% so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu bán hàng hóa năm 2021 tăng 25,5% so với năm 2020, từ đó khiến tổng chi phí năm 2021 tăng theo.

Tổng chi phí được Công ty duy trì ở mức tương đối ổn định và khá cao (khoảng 97% trên Doanh thu thuần). Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn đảm bảo tính cạnh tranh về giá thành sản phẩm trên thị trường. Nhìn chung về cơ cấu chi phí không có nhiều sự thay đổi trong giai đoạn năm 2020 – 2021 với chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất với mức trên 90% Doanh thu thuần. Điều này khá hợp lý với đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty là doanh nghiệp sản xuất và thương mại cho nên giá vốn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất.



Các chi phí khác bao gồm: chi phí tài chính và chi phí bán hàng, chi phí quản lý ở mức khá thấp, chiếm khoảng 6% - 7% Doanh thu thuần. Chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí.

Tổng chi phí của Công ty đến hết Quý I/2022 là 19,4 tỷ đồng, duy trì ổn định với tỷ lệ khoảng 97% trên Doanh thu thuần, trong đó chi phí bán hàng quý I/2022 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2021 do dịch bệnh năm 2022 đã được kiểm soát triệt để, tình hình giao thương hàng hóa giữa các nước không còn khó khăn; các loại chi phí khác không có sự biến động nhiều so với cùng kỳ năm 2021.

6.5. Cơ cấu Lợi nhuận gộp

Bảng 8: Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm 2021/2020		Quý I năm 2022	
		Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	7.538.777.184	5,73	9.279.132.485	6,19	1.740.355.301	23,1	2.033.308.344	10,17
2	Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	4.682.142.367	3,55	3.425.583.042	2,28	-1.256.559.325	-26,8	-33.287.089	-0,15
3	Lợi nhuận gộp từ doanh thu khác	201.645.105	0,15	434.359.700	0,29	232.714.595	115,4	100.000	0,0005
Tổng		12.422.564.656	9,43	13.139.075.227	8,76	716.510.571	5,8	2.003.121.255	10,02

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý I/2022 của Công ty)

Tổng lợi nhuận gộp của Công ty năm 2021 đạt 13,1 tỷ đồng tăng nhẹ so với năm 2020 ở mức 12,4 tỷ đồng. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, năm 2020 - 2021 là giai đoạn khó khăn đối với nền kinh tế nói chung, đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng, trong giai đoạn này hoạt động sản xuất tại nhà máy của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể, do đó Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất ghi nhận giảm từ 4,68 tỷ năm 2020 còn 3,42 tỷ năm 2021. Tuy nhiên, nhờ việc chuyển hướng sang lĩnh vực thương mại máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang và xuất khẩu găng tay, túi nhựa, lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa của Công ty tăng từ mức 7,53 tỷ năm 2020 lên 9,27 tỷ năm 2021.

Giai đoạn năm 2020 – 2021, Lợi nhuận gộp của Công ty đạt mức ổn định quanh mức 9% trên tổng Doanh thu thuần. Để đạt được kết quả trên, ban lãnh đạo công ty đã rất nỗ lực trong chỉ đạo hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường kinh tế còn nhiều khó khăn vì dịch bệnh.

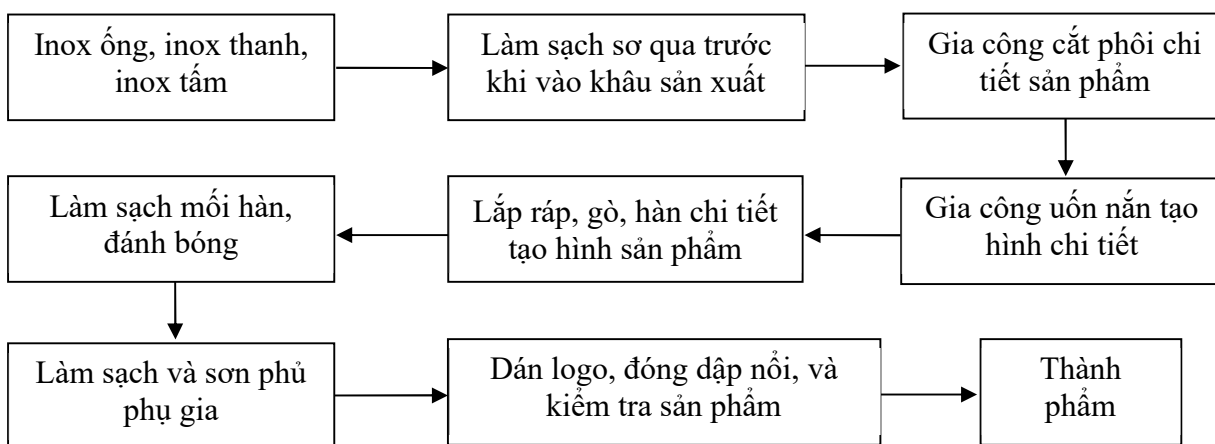
Lợi nhuận gộp đến hết Quý 1/2022 của Công ty đạt hơn 2 tỷ đồng, đạt mức 10,02% trên tổng Doanh thu thuần, biên lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa tăng mạnh đạt 10,17%, lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm âm nhẹ do chi phí sản xuất của một số mặt hàng cao hơn so với giá bán ra.

6.6. Trình độ công nghệ

6.6.1. Mạng sản xuất các mặt hàng inox

Ngành sản xuất hàng inox là một ngành hàng đòi hỏi trình độ công nghệ cao, đặc biệt là đối với hoạt động sản xuất đồ gia dụng, và đồ trang trí, yêu cầu độ chính xác cao, tinh xảo, và thẩm mỹ. Chính vì vậy, ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng vào việc tìm kiếm đầu tư vào việc cải tiến các dây chuyền, máy móc, trang thiết bị sản xuất; khuyến khích đội ngũ kỹ thuật nghiên cứu các công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới và tìm kiếm giải pháp thử nghiệm, áp dụng vào hoạt động sản xuất thực tế của Công ty, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra. Công ty cũng quan tâm tới việc áp dụng quy trình tự động hóa vào quá trình sản xuất của mình, nhằm giảm thiểu tối đa những sai sót mang yếu tố con người. Công ty chuẩn hóa quy trình công nghệ sản xuất đối với từng sản phẩm, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đồng đều, và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Hình 4 – Quy trình công nghệ sản xuất chung cho đồ inox



Hình 5 - Một số hình ảnh máy móc sản xuất đồ inox



Máy cắt – hàn



Máy phay – bào – tiện



Hệ thống duỗi – uốn góc chi tiết inox



Máy uốn góc chi tiết inox

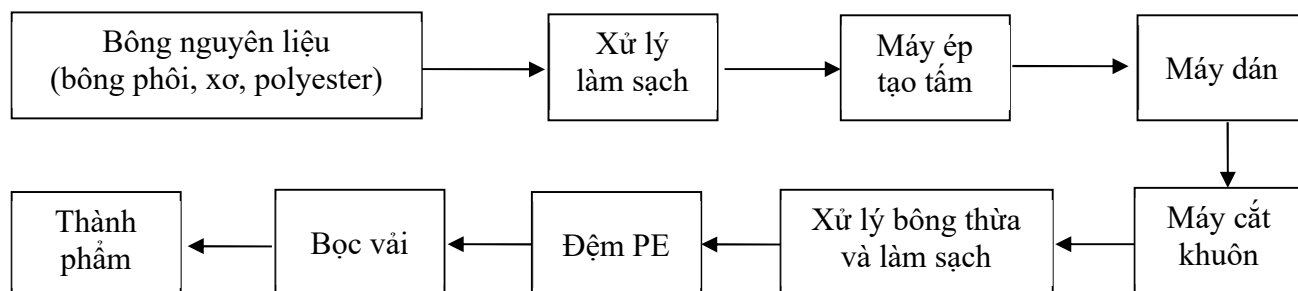


Máy đánh bóng và cuộn sợi inox

6.6.2. Mảng sản xuất mặt hàng đệm Hàn Quốc

Sản xuất đệm Hàn Quốc, tuy không yêu cầu cao về công nghệ sản xuất, nhưng cũng cần sử dụng đến thiết bị máy móc để tạo ra sản phẩm có chất lượng. Với mục tiêu sản xuất đệm cao cấp, ban lãnh đạo Công ty chủ trương nhập khẩu máy móc trong dây chuyền sản xuất đệm của mình, tạo khả năng tự động hóa cao, với công nghệ sản xuất của Hàn Quốc. Bên cạnh đó, đội ngũ kỹ thuật của Công ty cũng không ngừng tìm tòi cải tiến công nghệ và mẫu mã sản phẩm để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhất thị yếu của khách hàng tại các thị trường mục tiêu.

Hình 6 – Quy trình công nghệ sản xuất chung cho đệm



Hình 7 – Một số hình ảnh phân xưởng sản xuất đệm



Bảng 9: Danh sách một số thiết bị máy móc đang được sử dụng tại Công ty

STT	Trang Thiết Bị	Số lượng
Thiết bị máy móc sản xuất		
1	Máy cuốn công suất 18.7 kw	01
2	Máy đánh bóng inox	01
3	Máy làm nhỏ đầu ống inox	01
4	Máy tạo hoa trên ống inox	02
5	Máy cắt mút tròn	01
6	Máy cuốn công suất 22.2 kw	01
7	Máy uốn lò xo	01
8	Bộ máy chập hàn, uốn	01
9	Bộ máy nén khí + hàn chập	01
10	Máy chập đầu dây	02
11	Máy tuốt dây	02
12	Máy làm vòng tròn	01
13	Máy hàn chập	03
14	Máy hàn chập có ben ngang	01
15	Máy hàn chập có tự động	01
16	Máy uốn 2D	01
17	Máy may trần ADM 90	01
18	Máy tuốt dây thẳng	02
19	Máy xén kim loại hiệu Yunnan	01
20	Máy xén kim loại hiệu NP	01
21	Máy ép thủy lực hiệu YAYA	03



STT	Trang Thiết Bị	Số lượng
22	Máy hàn kim loại hiệu daien	03
23	Máy đột dập kim loại hiệu Dobby	05
24	Máy uốn ống hiệu GZHCH	02
25	Máy phay kim loại hiệu Gambin	01
26	Máy ép thủy lực hiệu AMADA	01
Thiết bị đo lường cơ khí chính xác		
27	Thước cặp 1/20 (Nhật)	10
28	Thước cặp 1/10 (Nhật)	15
29	Thước cặp điện tử	08
30	Panme	08
31	Thước đo sâu	02
32	Thước đo vuông	04
33	Cân điện tử 50 tấn	01
Phương tiện vận tải, bốc xếp		
34	Xe tải 1.4 tấn	02
35	Xe tải nhỏ 500kg	01
36	Xe bán tải 650kg	01
37	Xe đi kinh doanh công tác	02

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

6.7. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong những năm gần đây, các đồ dùng làm bằng inox, được đánh giá cao về độ bền và đẹp, đang trở nên phổ biến tại các gia đình Việt Nam, thay thế dần các sản phẩm làm từ gỗ và nhựa. Ngành sản xuất đồ inox, được các chuyên gia kinh tế đánh giá, là một trong các ngành có tốc độ phát triển nhanh, với nhiều cải tiến về mẫu mã, và công nghệ sản xuất, để đáp ứng với nhu cầu phong phú của khách hàng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đang trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Việc cải tiến công nghệ, đưa ra những sản phẩm mới với đặc tính vượt trội, mẫu mã bắt mắt, phù hợp với nhu cầu, và thị yếu của khách hàng, sẽ giúp các doanh nghiệp nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường. Nhận thức được vấn đề, ban lãnh đạo Công ty cũng có những chính sách thiết thực, nhằm thúc đẩy việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đúng mức tới việc phát triển và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao.



Dựa vào báo cáo nghiên cứu thị trường của Phòng kinh doanh, kết hợp với sự tham vấn của các chuyên gia kỹ thuật, ban lãnh đạo Công ty tiến hành xây dựng và thiết kế các đề án phát triển sản phẩm mới nhằm phù hợp với thị yếu và nhu cầu của thị trường mục tiêu. Bên cạnh đó, các phòng ban, bộ phận khác có liên quan đến kinh doanh và kỹ thuật sản xuất luôn có sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường, theo dõi công nghệ của đối thủ cạnh tranh, đưa ra các chính sách phát triển sản phẩm mới cho hợp lý và hiệu quả.

Trong giai đoạn năm 2020 - 2021, chính nhờ hoạt động nghiên cứu thị trường và dự báo về nhu cầu sản phẩm mới của đội ngũ kinh doanh, đã giúp Công ty bổ sung thêm hoạt động thương mại: găng tay, máy móc sản xuất khẩu trang, thiết bị hỗ trợ y tế. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh mới này đã và đang đóng góp đáng kể vào tổng lợi nhuận gộp của Công ty, giúp Tùng Khánh có một bức tranh tăng trưởng khả quan hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành, cùng quy mô trước những khó khăn mà đại dịch thế giới gây ra.

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Để đảm bảo việc kinh doanh và mục tiêu phát triển bền vững, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu, thông qua việc thực hiện các quy trình kiểm tra:

- Giám sát từ tất cả các khâu: nhập hàng hóa – nguyên vật liệu, sản xuất, tồn kho, xuất kho, vận chuyển; luôn kiểm tra các chứng thư về chất lượng đi kèm. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tất cả các nhân viên phải chấp hành theo các quy định liên quan như: đảm bảo đúng thông số hàng hóa sản xuất, bảo quản hàng hóa – nguyên vật liệu theo đúng quy trình của Công ty; kiểm tra, đánh giá nguyên vật liệu trước khi tiến hành sản xuất,...

- Trong quá trình xuất kho, hàng hóa luôn có nhân sự kiểm tra lại thông số, chất lượng sản phẩm trước khi giao cho khách hàng. Với phương châm chất lượng sản phẩm chính là uy tín của Công ty, do đó Ban lãnh đạo luôn có những chỉ đạo sát sao để không ngừng cải tiến quy trình kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đem đến sự hài lòng nhất cho đối tác, khách hàng.

6.9. Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, Công ty cũng đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Với phương châm “mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty là một hạt nhân quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm của Công ty ra thị trường”, Ban lãnh đạo Công ty tổ chức định kỳ các buổi đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, các buổi tọa đàm về sản phẩm và nhận diện thương hiệu, giúp cán bộ công nhân viên hiểu hơn về sản phẩm của Công ty. Trong những năm vừa qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing và đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng và đối tác trong



và ngoài nước biết và tìm đến. Hiện tại, Công ty đang áp dụng chiến lược marketing-mix (4P) bao gồm:

❖ **Sản phẩm (Products)**

Hoạt động nghiên cứu thị trường luôn được Công ty chú trọng hàng đầu, nhằm đưa ra các kế hoạch cải tiến và phát triển sản phẩm phù hợp với xu thế và thị yếu của thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm có chất lượng tốt hơn, tối ưu hơn như tăng độ bền, độ sáng bóng, độ tinh xảo, chống cong vênh,... so với các dòng sản phẩm hiện tại. Quá trình quản trị chất lượng khép kín được áp dụng từ khâu lựa chọn nguồn cung tới khâu vận chuyển thành phẩm tới tay Khách hàng. Mục đích cuối cùng và tiên quyết của chính sách sản phẩm là đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của Khách hàng.

❖ **Chính sách giá cả (Price)**

Bên cạnh chất lượng sản phẩm, chính sách giá cả là yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh trong mọi lĩnh vực kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng duy trì chính sách giá đồng bộ và nhất quán cho hệ thống phân phối, giúp giá cả đến tay người tiêu dùng luôn ổn định. Để thực hiện bình ổn giá và cung cấp sản phẩm chất lượng với mức giá hợp lý nhất, Công ty luôn chủ động đa dạng hóa nguồn cung, giảm tối đa các chi phí không cần thiết, xây dựng kế hoạch lưu kho hợp lý thông qua báo cáo dự báo nhu cầu của thị trường cho từng dòng sản phẩm.

❖ **Hoạt động xúc tiến thương mại (Promotion)**

Giá trị của một doanh nghiệp không chỉ đơn thuần thể hiện qua doanh thu, lợi nhuận và tài sản của doanh nghiệp mà còn thể hiện qua hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường. Nhận thức rõ được điều đó, ngay từ những ngày đầu thành lập, Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng nỗ lực quảng bá thương hiệu Tùng Khánh trên thị trường gắn với “chất lượng và uy tín”. Sau hơn 20 năm hoạt động và phát triển, thương hiệu sản phẩm inox Tùng Khánh và đệm Hàn Quốc cao cấp Tùng Khánh đã được khẳng định, được nhiều khách hàng và đối tác ghi nhận.

Công ty đã và đang hướng tới việc xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu thông qua việc xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu như: gắn nhãn, đặt tên thương hiệu, thiết kế logo, slogan,... và đăng ký bản quyền thương hiệu sản phẩm tại Cục Sở hữu Trí tuệ. Ban lãnh đạo Công ty cũng tích cực mang các sản phẩm của Công ty tham gia các hội chợ, triển lãm ngành, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, sự kiện gây quỹ,... và đã được trao một số bằng khen, giấy khen ghi nhận những đóng góp của Công ty trong các sự kiện và những đóng góp vào sự phát triển của ngành. Bên cạnh việc quảng bá sản phẩm trực tiếp, Công ty cũng thực hiện quảng bá sản phẩm thông qua phương tiện thông tin đại chúng như website Công ty, website chuyên ngành liên quan.



❖ Các kênh phân phối (Place)

Đối với thị trường trong nước, Công ty đang liên kết hợp tác với một số nhà phân phối độc lập tại một số tỉnh miền Bắc như: Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Hà Nam, Ninh Bình,... để phân phối các sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang triển khai mở rộng thị trường phân phối sản phẩm sang các tỉnh Tây Bắc và các tỉnh miền Trung.

Đối với thị trường nước ngoài, Công ty xây dựng kế hoạch thăm dò, nghiên cứu thị trường, tìm kiếm các đối tác để ký kết hợp đồng phân phối độc quyền; qua đó tạo điều kiện cho sản phẩm của Công ty gia nhập thị trường nước ngoài dễ dàng hơn và có thể cạnh tranh sòng phẳng với các sản phẩm nội địa của nước sở tại.

6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các sản phẩm của Công ty (dập nổi trên sản phẩm) tính đến thời điểm hiện tại. Hiện tại Công ty đã tiến hành đăng ký bản quyền nhãn hiệu và sở hữu trí tuệ với bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm của Công ty bao gồm cả logo và nhãn hiệu trên.

6.11. Các hợp đồng lớn

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay tập trung chính vào kinh doanh các sản phẩm inox do Công ty sản xuất trực tiếp và thương mại các sản phẩm như hạt nhựa, thiết bị phụ trợ y tế. Trong quá trình phát triển, Công ty đã gây dựng được hệ thống các khách hàng gắn bó lâu năm cũng như không ngừng tìm kiếm các khách hàng mới. Căn cứ vào nhu cầu thực tế khách hàng sẽ gửi đơn đặt hàng, trong đó quy định rõ số lượng, thông số hàng hóa, tiến độ giao hàng, ... Công ty sẽ lên kế hoạch chuẩn bị và giao hàng cho khách hàng theo đúng các nội dung đã thống nhất tại các đơn hàng.

Dưới đây là danh sách các khách hàng lớn đã ký kết hợp đồng của Công ty:

Bảng 10: Danh sách các hợp đồng tiêu biểu



STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Thời gian ký kết và thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng giá trị
1	Công ty CP Xây Dựng Và Phát Triển Nhà Ở Cẩm Phả	001/004-2021-TK	2021	Công đầy inox	196.105.184
2	EKSPERT POLUDNLE SP.ZO.O.SP.K.-EKS	2101-TK-EKP 2102-TK-EKP	2021-2022	Xuất khẩu hàng túi nhựa PE, HDPE	6.982.603.759
3	Công ty TNHH SX Thương Mại FIT Việt Nam	01.2021/TK-FIT	2021	Giá để hàng	548.625.000
4	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hải Phòng	1608/2021-HĐMB	2021	Bàn, ghế theo yêu cầu, giường inox	136.070.000
5	Công ty TNHH Thực Nghiệp Hồng Quân Việt Nam	001/2021/TK	2021	Ống inox các loại	381.513.000
6	EURO ENTERPRISE DROTA MAXEURO CZ	2101;02;03-TK-EURO	2021-2022	Xuất khẩu găng tay HDPE và Vinyl	8.508.101.685
7	LA Mancha Pareles Y Plasticos, S.L	01-02-TK-2021	2021	Xuất khẩu găng tay và túi tự hủy	3.421.333.459
8	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Mạnh Toàn	01/2021/TK-MT, 014/05/2021/T K-MT	2021	Cung cấp lắp đặt công inox và sửa chữa	267.825.800
9	Công ty TNHH Minh Trí	01,02,03/2021/TK-MT	2021-2022	Thép không gỉ, hóa chất	6.523.000.000
10	Công ty TNHH MTV Xây Dựng và TM NDP	01/2021-TK-NDP	2021	Xuất giá để tài liệu inox, thang inox	147.290.000
11	Công ty TNHH Ngọc Long	01-39.21/TK-NL	2021-2022	Hạt nhựa, Hóa chất	58.816.125.610
12	Công ty TNHH Phát Triển Năng Lượng Trinasolar	TEDC-A4677-2106-CGC-2522-0	2021	Xuất bán cửa ra vào nhà xưởng theo yêu cầu	234.000.000
13	Công ty TNHH TM và Dịch Vụ Công nghiệp Rose	001.2021/TK	2021	Xuất bán thanh càn barrier, xuất bán cây đặc inox, inox tấm các loại	2.239.419.600



STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Thời gian ký kết và thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng giá trị
14	ATP SWORK SL	2101-TK-ATP-SWORK-PO	2021-2022	Xuất khẩu túi nhựa	5.512.270.468
15	Công ty Cổ Phần SPT Hải Phòng	01042021/TU NGKHANH-SPT	2021	Xuất bán lưới thép	339.174.404
16	Công ty TNHH Đầu Tư Sản xuất VINA	HDDKT.VNC-001,2,3,4	2021	Xuất bán bàn ghế inox	1.300.382.600
17	Công ty CP TM và SX Toàn An Khánh	01-042.2021 HĐKT/TAK-TK	2021-2022	Cổng inox, cổng barrier, phụ kiện cổng, sửa chữa	11.107.916.600
Tổng					106.661.757.169

(Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

DVT: đồng

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm 2021/2020		31/03/2022
			Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng giá trị tài sản	93.586.804.881	104.269.717.081	10.682.912.200	11,41%	99.052.089.670
Vốn chủ sở hữu	55.836.254.204	63.416.918.021	7.580.663.817	13,58%	63.818.963.289
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.766.510.502	149.955.395.631	18.188.885.129	13,8%	19.984.805.653
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.906.531.366	4.542.346.984	635.815.618	16,27%	575.692.326
Lợi nhuận khác	33.274.884	-195.989.502	-229.264.386	- 689%	-46.104
Lợi nhuận trước thuế	3.939.806.250	4.346.357.482	406.551.232	10,32%	575.646.222
Lợi nhuận sau thuế	3.188.961.544	3.026.263.817	-162.697.727	-5,1%	402.045.268
Trả cổ tức (%)	-	-	-	-	-



Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm 2021/2020		31/03/2022
			Giá trị	Tỷ lệ	
LNST/VCSH bình quân (%)	5,88	5,07	-	- 0,81	-

Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2021 là 104,2 tỷ đồng, tăng 11,41% so với năm 2020, chủ yếu do trong năm 2021 Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ 10%, huy động thành công 4.630.000.000 đồng để phục vụ vốn lưu động.

Doanh thu thuần năm 2021 đạt gần 150 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 13,8% so với năm 2020, do trong năm 2021, Công ty đẩy mạnh hoạt động thương mại đặc biệt là hoạt động xuất khẩu các sản phẩm như hạt nhựa, túi nhựa, gang tay cho các khách hàng nước ngoài. Mức tăng trưởng doanh thu của Công ty được coi là mức tăng trưởng khá ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn.

Năm 2021 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 16,27% so với năm 2020 lên mức 4,54 tỷ đồng; tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế năm 2021 chỉ đạt 3,026 tỷ giảm 5,1% so với năm 2020. Theo đó, tỷ lệ LNST/VCSH bình quân năm 2021 cũng chỉ đạt 5,07%. Nguyên nhân dù Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng, nhưng LNST năm 2021 lại giảm so với cùng kỳ là do năm 2021 công ty phải đóng thuế TNDN cao hơn, làm giảm Lợi nhuận sau thuế và ảnh hưởng trực tiếp tới chỉ số ROE. Trong năm 2021 Công ty có một số các khoản chi phí không hợp lệ bị loại khi tính thuế TNDN, bao gồm như sau:

- Chi phí khấu hao do không đủ chứng từ hợp lệ (1,169 tỷ đồng): Do quá trình lưu trữ hồ sơ của Công ty chưa đảm bảo (cháy nổ) đã làm thất lạc các chứng từ liên quan đến một số tài sản. Do đó khi thực hiện quyết toán thuế và kiểm toán, chi phí khấu hao từ các tài sản không đủ hồ sơ do cháy nổ đều bị loại trước khi tính thu nhập chịu thuế TNDN 2021.

- Chi phí liên quan đến việc xóa nợ (216,340 triệu đồng): Đây là khoản công nợ phải thu khó đòi với công ty cổ phần TECHNO TAIYO (có trụ sở tại Nhật Bản). Do không thể thu hồi được cho nên Công ty quyết định xóa nợ và chuyển khoản xóa nợ vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, do hồ sơ xóa nợ không có xác nhận từ phía đối tác (công ty TECHNO TAIYO không phản hồi mặc dù Công ty đã nhiều gửi thư đòi nợ sang và yêu cầu hợp tác xử lý) cho nên khoản xóa nợ này cũng bị loại khi tính thu nhập chịu thuế TNDN 2021.

- Các chi phí khác (239,832 triệu đồng): Đây là các chi phí phát sinh từ việc truy thu thêm thuế GTGT, thuế TNCN theo biên bản quyết toán thuế và các chi phí phát sinh khác do không có hóa đơn hoặc không đảm bảo hình thức thanh toán theo quy định.

Mặc khác, căn cứ theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-



19, có quy định như sau: “Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 **không quá 200 tỷ đồng** và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 **giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019**”.

Doanh thu thuần năm 2021 của Công ty đạt 149,9 tỷ đồng, cao hơn doanh thu thuần năm 2019 (134,2 tỷ đồng). Vì vậy căn cứ vào quy định nêu trên, năm 2021 Công ty không được giảm 30% thuế TNDN. Đồng thời theo biên bản quyết toán thuế giai đoạn năm 2017-2020, Công ty phải nộp bổ sung thêm 119,477 triệu đồng thuế TNDN của các năm trước.

Với những khoản chi phí bị loại trừ nêu trên cùng với việc Công ty không được miễn giảm thuế, đã làm cho thuế TNDN năm 2021 phải nộp của Công ty đạt 1,320 tỷ đồng, tăng 75,81% so với năm 2020, khiến cho lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2021 chỉ đạt 3,026 tỷ đồng, giảm 5,08% so với năm 2020. Từ đó khiến chỉ số ROE năm 2021 của Công ty chỉ đạt 5,07%.

Bước sang năm 2022 với tình hình dịch bệnh Covid-19 đã giảm dần cùng với việc tiếp tục chính sách thúc đẩy xuất khẩu, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng sẽ đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và từ đó nâng cao chỉ số ROE trong thời gian tới.

Lợi nhuận sau thuế quý 1/2022 của Công ty đạt hơn 400 triệu đồng, tăng gấp 12 lần so với cùng kỳ năm 2021 (quý 1 năm 2021 đạt hơn 30 triệu đồng). Trong quý I/2022, tiến hành thực hiện theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã thực hiện các thủ tục đăng ký để chi trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ 24% từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2021. Sang đến đầu quý II/2022, ngày 22/04/2022, Công ty đã phát hành thành công 1.222.312 cổ phần trả cổ tức năm 2021, tăng vốn điều lệ Công ty lên 63.153.120.000 đồng. Số cổ phiếu phát hành thêm đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung theo Quyết định số 349/QĐ-SGDHN ngày 27/05/2022 .

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- *Chính sách khuyến khích của chính quyền địa phương và của Nhà Nước:*

Ngành sản xuất sắt thép được coi là một trong những ngành truyền thống, đã phát triển từ rất lâu tại thành phố Hải Phòng. Với chủ trương công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, phát triển ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là sản xuất tiêu dùng làm thế mạnh, là một lợi thế cho các doanh nghiệp sản xuất đồ gia dụng, đồ trang trí inox và đệm cao cấp như CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Hơn thế nữa, Nhà nước cũng đưa ra các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao vào sản phẩm sản xuất của mình trong thời đại 4.0



hiện nay. Điều này tạo động lực cho ban lãnh đạo Công ty mạnh dạn mở rộng sản xuất các mặt hàng tự động hóa và có yếu tố điện tử công nghệ cao như: barie tự động, cửa trượt tự động, công xép điện tử,...

➤ *Nguồn nhân lực:*

Ban lãnh đạo Công ty là những con người năng động, có kinh nghiệm, và nhạy bén đã xây dựng kế hoạch phát triển ngắn – trung – dài hạn cho Công ty một cách có hệ thống, phù hợp với năng lực hoạt động, tiềm lực tài chính của Công ty và xu hướng phát triển vĩ mô của ngành và nền kinh tế. Cùng với đó, đội ngũ chuyên gia, lao động kỹ thuật công nghệ có kiến thức chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm và nguồn nhân công thâm niên, lành nghề, chủ yếu được tuyển dụng ngay tại địa phương là một lợi thế lớn của Công ty.

➤ *Nguồn lực phục vụ sản xuất:*

Nguồn lực phục vụ sản xuất bao gồm: máy móc, trang thiết bị và các yếu tố đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất luôn được quan tâm đúng mức. Trang thiết bị kỹ thuật, máy móc sản xuất của công ty luôn được bảo trì bảo dưỡng và có phương án thay thế khi cần thiết, nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu tối đa những rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất. Máy móc của Công ty đều được nhập khẩu từ các nước có trình độ công nghệ kỹ thuật sản xuất phát triển, tạo điều kiện cho Công ty trong việc triển khai tự động hóa từng phần dẫn tới tự động hóa hoàn toàn, giúp cho việc quản trị chất lượng sản phẩm dễ dàng hơn.

7.2.2. Những nhân tố khó khăn

➤ *Tình hình kinh tế:*

Năm 2021, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của các quốc gia nói riêng rơi vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái do những tác động tiêu cực, không thể lường trước từ đại dịch Covid – 19, khiến cho hoạt động thông thương nội địa và quốc tế đều bị đình trệ, gây thiệt hại lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Tùng Khánh.

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là tình hình căng thẳng trong quan hệ Mỹ, EU – Nga, đã tác động tiêu cực tới giá cả một số nguyên vật liệu như xăng dầu, đồng, thép, inox,... Trước diễn biến giá nguyên vật liệu tăng giảm biên độ lớn, cũng đã gây khó khăn cho Công ty trong việc tính toán nhập hàng, tích trữ hàng tồn kho để đảm bảo ổn định nguồn cung và cạnh tranh về giá thành.

➤ *Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác:*

Việc mở cửa hội nhập nền kinh tế, giảm hàng rào thuế quan tiến tới thuế quan về 0 giữa các nước trong hiệp định thương mại là cơ hội, và thách thức đối với các doanh nghiệp. Đối



với các doanh nghiệp sản xuất với quy mô nhỏ như CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, đây là một thách thức vô cùng lớn khi phải cạnh tranh với các nhà sản xuất từ nước ngoài có trình độ công nghệ hiện đại hơn với quy mô và tiềm lực tài chính lớn hơn. Đặc biệt, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực, khả năng số lượng các doanh nghiệp của các nước thành viên đổ về Việt Nam là rất lớn, đang và sẽ tạo nên một môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn.

➤ *Nguồn vốn đầu tư:*

Để tài trợ vốn cho việc cải tiến và đầu tư máy móc sản xuất cần một nguồn vốn rất lớn, mà nguồn vốn nội tại bên trong Công ty không có đủ khả năng để đáp ứng, vì vậy, nguồn đi vay là một giải pháp tất yếu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ thường gặp rất nhiều khó khăn trong việc vay vốn, do chính sách cho vay của các ngân hàng thương mại bị thắt chặt vì lo ngại nợ xấu trong năm qua.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đối với mảng hoạt động phân phối các sản phẩm inox, hàng hóa của Công ty đã có mặt khắp các miền Bắc – Trung – Nam. Thương hiệu Inox Tùng Khánh đã được khẳng định trên thị trường qua hơn 20 năm hoạt động. Sản phẩm đồ inox của Công ty rất có tiếng và được các bạn hàng biết đến tại các thị trường phía Bắc như: Hải Phòng, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Ninh. Việc gắn nhãn mác đập nổi thương hiệu “Tùng Khánh” được thực hiện trên từng sản phẩm, và được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất xưởng.

Hoạt động thương mại của công ty đã xuất khẩu các sản phẩm phụ trợ y tế, túi nhựa, hạt nhựa ngày càng tốt với doanh thu xuất khẩu năm 2020 đạt 35,9 tỷ đồng; năm 2021 đạt 40,7 tỷ đồng. Công ty sẽ tập trung phát triển mạng lưới khách hàng để xuất khẩu hơn trong thời gian tới nhằm nâng cao thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Bảng 12: Bảng so sánh với các công ty cùng ngành nghề

DVT giá trị: Tỷ đồng

Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần năm 2021	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	ROA (%)	ROE (%)
CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	TKG	104,27	50,093	149,95	3,02	3,06	5,07



Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần năm 2021	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	ROA (%)	ROE (%)
CTCP Chế tạo kết cấu thép VNECO (HNX)	SSM	151,83	55,010	160,1	-3,5	-2,63	-5,07
CTCP Minh Hữu Liên (HNX)	MHL	228,39	54,309	330,95	-20,7	-8,82	-41,6
CTCP Thép Thủ Đức – Vnsteel	TDS	567,5	122,25	2.323,9	44,77	9,33	15,87
CTCP Thép VICASA - VNSTEEL	VCA	578,97	151,87	2613,33	36,38	8,15	15,75
CTCP Kim khí miền Trung	KMT	761,7	98,46	2.523,9	11,95	1,64	9,12
CTCP Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	TMC	331,66	124	1.568,2	13,76	4,22	6,99

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của các công ty)

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh quy mô và hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức trung bình so với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. So với các đối thủ cạnh tranh trong ngành, Công ty có nhiều lợi thế cạnh tranh như: sản phẩm đa dạng mẫu mã, chất lượng cao, chính sách bán hàng ổn định về giá đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng. Lợi thế cạnh tranh lớn nhất được ban lãnh đạo Công ty xác định chính là nguồn lực con người. Sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành bộ máy quản lý; cùng với lực lượng lao động của Công ty dồi dào, có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất; vận hành các thiết bị máy móc sản xuất áp dụng kỹ thuật công nghệ cao; tất cả đã tạo nên sự thành công và đảm bảo tương lai phát triển của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh trong nhiều năm sắp tới. Ngoài việc phát triển mảng sản xuất chính, Công ty đã chủ động nghiên cứu xu hướng thị trường để phát triển hoạt động thương mại, giúp Công ty không chỉ hạn chế được rủi ro, biến động trong ngành mà còn gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Đối với hoạt động thương mại

Thương mại là hoạt động không thể thiếu đối với tất cả các nền kinh tế. Công ty đang thực hiện thương mại một số sản phẩm chính, bao gồm: hạt nhựa, túi nhựa, hóa chất ngành nhựa, thép cuộn không gỉ, găng tay (cao su và nylon), máy móc thiết bị. Hiện tại, nhu cầu ngành sản xuất nhựa là rất lớn. Theo báo cáo của Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), tuy là một ngành mới nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành này vào khoảng 16% - 18%, trong



đó có những mặt hàng nhựa tăng 100%, thể hiện sức nóng của ngành sản xuất nhựa. Hiện tại, Việt Nam đang có khoảng 4.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành này, điều này đảm bảo cho triển vọng phát triển thương mại các nguyên vật liệu phụ trợ cho ngành sản xuất nhựa như: hạt nhựa, và hóa chất phụ gia.

Cùng với đó, nhu cầu sử dụng thép không gỉ của Việt Nam ngày càng lớn. Thép không gỉ, với những ứng dụng rộng rãi của nó, có ảnh hưởng rất lớn tới nhiều ngành, và lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế, đặc biệt là sản xuất các chi tiết dụng cụ đòi hỏi sự tinh xảo với độ bền cao. Hoạt động thương mại thép không gỉ sẽ còn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm nữa.

Đối với xuất khẩu găng tay cao su và găng tay nylon, phục vụ cho ngành y tế và ngành thực phẩm, thị trường xuất khẩu của Công ty tập trung vào các nước thuộc khối liên minh Châu Âu, là những quốc gia có nền y tế phát triển, có tiêu chuẩn, chuẩn mực, và ý thức vệ sinh rất cao, cho nên, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm găng tay y tế và găng tay thực phẩm là rất lớn và ổn định. Với các hợp đồng xuất khẩu đã được ký kết, lĩnh vực thương mại găng tay được xem là “cứu cánh” cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 – 2021 đầy khó khăn, và cũng là tiền đề để ban lãnh đạo Công ty cân nhắc, xây dựng kế hoạch phát triển sang một lĩnh vực tiềm năng mới.

Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại, tuy đang tạo ra một thị trường cạnh tranh gay gắt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng cũng là hy vọng cho việc phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa dễ dàng hơn, mở ra thị trường rộng lớn không biên giới. Ban lãnh đạo Công ty cũng nhận thức rõ được điều này nên không ngừng cố gắng nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm của mình với mong muốn biến thách thức thành cơ hội.

- Đối với hoạt động sản xuất

Nhu cầu sử dụng sản phẩm inox thay thế cho các sản phẩm làm từ gỗ và nhựa đang ngày càng tăng cao do tính ưu việt của inox: giá cả phải chăng, gọn, nhẹ và bền bỉ với thời gian. Trong khi nguồn cung cho thị trường thành thị đã sắp đạt tới mức dư thừa, thị trường tại các vùng nông thôn vẫn còn rất tiềm năng để phát triển, đây cũng là thị trường mà Công ty đang muốn đẩy mạnh trong thời gian tới. Ngoài ra, Công ty cũng đang bước đầu tìm hiểu và đặt mối quan hệ lâu dài với một số đối tác nước ngoài tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và một vài nước Đông Nam Á, làm tiền đề cho việc đưa sản phẩm của Công ty ra thị trường quốc tế.

8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục định hướng phát triển tập trung vào các mặt hàng kinh doanh truyền thống lâu đời của Công ty. Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty tiếp tục



phát triển mạng lưới phân phối thương mại của mình; phát triển bộ phận nghiên cứu sản phẩm để lựa chọn sản phẩm thương mại hiệu quả và được thị trường đón nhận tốt.

Với triển vọng lạc quan của ngành, cùng định hướng phát triển công nghiệp của Nhà nước, cũng như tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam có thể thấy định hướng của Công ty tương đối phù hợp với định hướng phát triển ngành và chính sách của Nhà nước. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động của Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp và năng động. Các đợt giãn cách xã hội trong năm 2021 nhằm phòng chống dịch Covid-19 đã gây ra rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty đã phải tiến hành cắt giảm bớt nhân sự, tăng cường thuê gia công và chuyển dịch sử dụng lao động thời vụ thuê khoán khi có công việc phát sinh. Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2020 là 63 người, năm 2021 là 36 người chưa bao gồm lao động thuê khoán. Chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 13: Cơ cấu lao động của Công ty

Loại lao động	31/12/2020		31/12/2021	
	Số lượng (người)	% (Tỷ lệ)	Số lượng (người)	% (Tỷ lệ)
<i>Phân loại theo trình độ học vấn/chuyên môn</i>	63	100	36	100
- Trên đại học	2	3,17	2	5,56
- Đại học	6	9,52	5	13,89
- Cao đẳng, trung cấp	24	38,1	14	38,89
- Lao động phổ thông	31	49,21	15	41,67
<i>Phân loại theo tính chất công việc</i>	63	100	36	100
- Lao động gián tiếp	16	25,4	13	36,1
- Lao động trực tiếp	47	74,6	23	63,9



(Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

9.2. Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Thời gian làm việc 8 tiếng/ngày theo quy định của Công ty. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định Pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động.

- **Nghỉ ốm đau, thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm đau, thai sản sẽ được hưởng trợ cấp từ Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

- **Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp tại các nhà máy sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

9.3. Chính sách tuyển dụng

- Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

- Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Việc tuyển dụng dựa trên tình hình thực tế nhu cầu sử dụng lao động của Công ty để xác định số lượng tuyển dụng cho phù hợp, tận dụng tối đa nguồn nhân lực trong hoạt động kinh doanh.

9.4. Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ công nhân viên luôn được Công ty quan tâm thực hiện:

- Đối với lao động trực tiếp: Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc, bên cạnh đó Công ty cũng khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các lớp học chuyên môn để nâng cao trình độ tay nghề.

- Đối với lao động tại các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật: được tham gia các khóa đào tạo, lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức kỹ thuật. Đặc biệt, Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động được cập nhật, tiếp xúc với công nghệ mới thông qua các buổi hội thảo và trải nghiệm trực tiếp.



- Đối với nhân viên khối văn phòng: Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các nhân viên tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ.

9.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí và tiết kiệm cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao động, Nội quy lao động đã đề ra. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn của Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ, ..., tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho Cán bộ công nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp. Cổ đông được nhận cổ tức là những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt hưởng quyền nhận cổ tức theo quy định của Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành.



- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 trong năm 2022 tỷ lệ 24% từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Chi tiết như sau:

- + Tỷ lệ chi trả cổ tức: 24% vốn điều lệ;
- + Hình thức chi trả: trả bằng cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 1.222.312 cổ phiếu;
- + Nguồn vốn thực hiện phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- + Ngày kết thúc đợt phát hành: 22/04/2022;
- + Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 13/06/2022.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Hiện tại, phương pháp khấu hao Công ty đang áp dụng là phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 14: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-18 năm
Phương tiện vận tải	07-10 năm
Máy móc và thiết bị	06-10 năm

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện đúng theo phương pháp khấu hao được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Đồng thời, không có thay đổi trong chính sách khấu hao TSCĐ của Công ty.



11.1.2 Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của CBNV Công ty năm 2021 là: 7.100.000 đồng/người/tháng. Đây cũng là mức lương tương đương với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

11.1.4 Đầu tư tài chính

Ngoài hoạt động kinh doanh chính, năm 2021 Công ty tận dụng các cơ hội, nguồn lực để đầu tư vào cổ phiếu các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán và đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đầu tư nắm giữ 600.000 cổ phiếu DHM của CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu. Trong quý I/2022, Công ty có thực hiện mua bán cổ phiếu DHM, đến cuối quý I/2022 công ty vẫn nắm giữ 600.000 cổ phiếu DHM.

Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: VND

STT	Khoản mục đầu tư	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Chứng khoán kinh doanh	0	7.200.000.000	7.164.530.700
	<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (mã chứng khoán DHM)</i>	-	7.210.800.000	7.164.530.700
	<i>Dự phòng giảm giá</i>	-	- 10.800.000	0
	Tổng	0	7.200.000.000	7.164.530.700

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của TKG, BCTC quý I/2022 do Công ty tự lập)

11.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Hiện tại, Công ty không có khoản nợ thuế hay các khoản phải nộp nào quá hạn.

Bảng 16: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND



Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	215.844.706	1.200.616.224	874.217.178
Tổng cộng	215.844.706	1.200.616.224	874.217.178

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của TKG, BCTC quý 1/2022 do Công ty tự lập)

Thuế phải nộp Nhà nước là khoản Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế TNDN phải nộp tại 31/12/2021 là hơn 1,2 tỷ đồng. Năm 2021, khoản thuế TNDN công ty phải đóng cao hơn thông thường do phát sinh một số khoản chi phí không được tính và bị loại khi xác định thu nhập chịu thuế. Chi phí bị loại bao gồm:

- Chi phí khấu hao do không đủ chứng từ hợp lệ: quá trình lưu trữ hồ sơ của Công ty chưa đảm bảo (cháy nổ) đã làm thất lạc các chứng từ liên quan đến một số tài sản.

- Chi phí liên quan đến việc xóa nợ với công ty cổ phần TECHNO TAIYO (có trụ sở tại Nhật Bản). Tuy nhiên, do hồ sơ xóa nợ không có xác nhận từ phía đối tác (công ty TECHNO TAIYO không phản hồi mặc dù Công ty đã nhiều gửi thư đòi nợ sang và yêu cầu hợp tác xử lý) cho nên khoản xóa nợ này cũng bị loại khi tính thu nhập chịu thuế TNDN 2021.

- Các chi phí khác: Đây là các chi phí phát sinh từ việc truy thu thêm thuế GTGT, thuế TNCN theo Biên bản quyết toán thuế và các chi phí phát sinh khác do không có hóa đơn hoặc không đảm bảo hình thức thanh toán theo quy định.

Mặc khác, năm 2021 Công ty không được giảm 30% thuế TNDN theo chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chịu tác động của dịch Covid-19 của Nhà nước; đồng thời theo Biên bản quyết toán thuế giai đoạn năm 2017 - 2020, Công ty phải nộp bổ sung thêm 119,477 triệu đồng thuế TNDN của các năm trước. Với những khoản chi phí bị loại trừ nêu trên cùng với việc Công ty không được miễn giảm thuế, đã làm cho thuế TNDN năm 2021 phải nộp của Công ty đạt 1,320 tỷ đồng, tăng 75,81% so với năm 2020. Đối với khoản thuế TNDN phải nộp của năm 2021, Công ty đã thực hiện việc tạm nộp 500 triệu trong quý 1/2022 và đã hoàn thành việc nộp số còn lại trong quý 2/2022.

11.1.6 Trích lập các quỹ

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 17: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: VND



Các quỹ	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	187.579.443	187.579.443	187.579.443
Tổng cộng	187.579.443	187.579.443	187.579.443

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý 1/2022 của Công ty)

11.1.7 Tổng dư nợ vay

Bảng 18: Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.536.563.324	27.000.000.000	27.000.000.000
<i>1</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>29.000.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>
1.1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	26.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
1.2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>2</i>	<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>536.563.324</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
2.1	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease (3)	536.563.324	0	0
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0
	Tổng cộng	29.536.563.324	27.000.000.000	27.000.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý 1/2022 của Công ty)

(1) Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/750909 ngày 06/08/2021 với tổng hạn mức là 30 tỷ đồng trong 12 tháng; thời hạn cho vay, lãi suất áp dụng cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể; khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số BN 877638 của Công ty và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số BN 877938 của bên thứ 3; 3 phương tiện vận tải BKS 15C-092.67, 15C-247.28, 15A-347.27.



(2) Vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 091221-32303-01-SME ngày 10/12/2021, hạn mức 3 tỷ đồng trong 12 tháng, thời gian cho vay đối với từng lần tối đa không quá 6 tháng và áp dụng lãi suất theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 1 tháng/1 lần; khoản vay dùng bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh inox, thép không gỉ, màng nhựa và hạt nhựa, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn nhưng không quá 10%/năm; khoản vay được bảo lãnh thanh toán bởi Ông Phạm Tùng Linh – Giám đốc Công ty theo hợp đồng bảo lãnh số 01 Vpbank/BLCN.

(3) Nợ thuê tài chính theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C1809041P2 ngày 17/09/2018 với tổng gốc vay là 477.600.000 VND; tài sản thuê gồm: máy hàn chập tự động, công suất 100KA, model DN-100KVA và 01 máy nén khí 20HP 3 pha 380V; lãi suất thuê ban đầu đến kỳ thanh toán thứ 6 là 10,05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày và 10,19% cho thời gian tính lãi là 365 ngày, sau đó sẽ thả nổi được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,95%, nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ, và

- Hợp đồng thuê tài chính số C190202915 ngày 20/02/2019 với tổng gốc vay là 1.844.700.000 VND; tài sản thuê gồm: 01 xe nâng hàng, 02 máy xén kim loại, 01 máy ép thủy lực, 01 máy hàn kim loại, 01 máy đột dập kim loại, 01 máy uốn ống, 01 máy phay kim loại, 01 máy ép thủy lực, 01 máy tuốt dây thẳng máy trần ADM 90; thời gian thuê 36 tháng; lãi suất thuê ban đầu là 10,8% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày và 10,95% cho thời gian tính lãi là 365 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,5%; nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 29 kỳ;

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng thuê tài chính.

11.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 19: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	31.009.861.239	36.161.837.538	35.297.003.570
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:	15.406.540.896	18.232.981.155	17.107.236.319
- Công ty TNHH Ngọc Long	4.833.324.000	3.294.044.450	0
- CTCP SX TM Toàn An Khánh	107.215.158	2.648.149.758	2.446.594.758
- CTCP TM XNK và kết cấu thép Hưng Thịnh Phát	2.295.331.818	145.331.818	500



Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
- Công ty TNHH Winway	-	8.377.469.000	8.377.469.000
- CTCP Xây lắp thiết bị phương tiện GT Vinamex	4.305.505.207	-	-
- Công ty CP Công nghệ và Thương mại Tùng Long	-	-	2.593.208.000
- Các đối tượng khác	3.865.164.650	3.767.986.129	3.689.964.061
2. Trả trước cho người bán:	15.770.882.583	16.470.486.102	18.189.767.251
- Công ty TNHH MTV đầu tư sản xuất Gia Thành	5.831.095.570	3.964.536.885	6.188.436.885
- Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ Thành Lợi	-	4.958.775.000	4.958.775.000
- CTCP XNK Thương mại Khánh Linh	1.251.568.913	2.311.948.447	3.161.948.447
Công ty TNHH TMDV KD máy móc vật tư thiết bị y tế Phương Nam	3.997.340.150	-	-
CTCP vận tải và thương mại VEAM	3.355.364.281	3.256.141.631	3.218.580.431
Công ty TNHH Lộc Đình Phát	-	1.940.583.250	468.092.250
Các đối tượng khác	1.335.513.669	38.500.889	193.934.238
3. Phải thu ngắn hạn khác	48.778.470	1.458.370.281	0
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(216.340.710)	0	0
II. Phải thu dài hạn	177.720.000	0	0
1. Phải thu dài hạn khác	177.720.000	0	0
Tổng cộng	31.187.581.239	36.161.837.538	35.297.003.570

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý 1/2022 của Công ty)

Các khoản phải thu của Công ty chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn, trong đó khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán chiếm tỷ trọng chủ yếu.

- *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*: Phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 18,23 tỷ đồng, tăng 2,83 tỷ đồng so với năm 2020. Phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty đều từ những khách hàng thường xuyên mua sản phẩm của Công ty, có uy



tín cũng như thương hiệu trên thị trường. Đến hết 31/03/2022, phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty là 17,1 tỷ. Khoản phải thu ngắn hạn lớn nhất là 8,37 tỷ đồng đối với Công ty TNHH Winway có thời hạn thanh toán là 150 ngày kể từ ngày xuất hàng. Công ty TNHH Winway đã thực hiện thanh toán 1,8 tỷ đồng trong tháng 4/2022; hiện tại Công ty đã thu hồi đủ các khoản nợ đến hạn của Công ty Winway cũng như của các khách hàng khác.

- *Trả trước cho người bán ngắn hạn:* Trả trước cho người bán ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 16,47 tỷ đồng, tăng 0,7 tỷ đồng so với năm 2020. Công ty thực hiện trả trước cho người bán để hưởng ưu đãi giảm giá từ nhà cung cấp đối với nguyên vật liệu đầu vào của Công ty như thép không gỉ, hạt nhựa, hóa chất,... qua đó giúp làm giảm chi phí giá vốn hàng hóa và tối ưu hóa lợi nhuận của Công ty. Trả trước cho người bán ngắn hạn của Công ty tại 31/03/2022 là 18.189.767.251, trong đó chủ yếu là khoản trả trước cho các nhà cung cấp thường xuyên của Công ty.

- *Phải thu ngắn hạn khác:* Phải thu ngắn hạn khác năm 2020 là 48,7 triệu, năm 2021 là 1,45 tỷ. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn khác năm 2021 chủ yếu đến từ khoản hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu.

- *Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:* Tính đến thời điểm 31/12/2021, sau thực hiện xóa nợ cho Công ty cổ phần Techno Taiyo (Nhật Bản) thì Công ty không có các khoản nợ ngắn hạn quá hạn, các khoản nợ khó đòi, các khách hàng của Công ty đều thực hiện việc trả nợ đúng thời hạn quy định. Do đó, Công ty không cần trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn.

- **Các khoản phải trả**

Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: VND.

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I. Nợ ngắn hạn	37.750.550.677	40.852.799.060	35.233.126.381
1. Phải trả người bán ngắn hạn	4.007.606.275	5.960.292.788	3.345.201.051
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Minh Phú	-	1.000.000.000	-
- CTCP Giải pháp CN Nam Long	-	1.910.809.000	-
- Công ty TNHH Minh Trí	-	1.716.660.000	995.460.000
- Công ty TNHH Thương mại Hoàng Hải Hưng Yên	1.764.200.900	17.199.625	17.199.625
- Công ty TNHH TM Quốc tế Chailease	1.525.368.317	836.230.025	2.224.353.179



Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
- Đối tượng khác	718.037.058	479.394.138	108.188.247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.783.252.285	6.658.890.048	3.872.275.528
- ATP Swork SL-EUR Ekspert Poludnle	-	1.394.415.014	852.947.795
- SP. ZO. O. SP. K	-	878.339.820	878.339.820
- BHW Import and Marketing Ltd	315.037.800	-	-
- Euro Enterprise Srota Maxeuro CZ	1.206.835.200	-	-
- Iheskel Aharon (Chemifrod) Ltd	1.154.250.000	1.154.250.000	1.154.250.000
- Konsuma Tiv Eood Ltd	413.594.545	669.663.036	669.663.036
- Pakendikeskus AS	370.362.240	-	-
- Southgate Global Limited	-	1.928.727.288	-
- Các đối tượng khác	323.172.500	633.494.890	317.074.877
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	215.844.706	1.200.616.224	874.217.178
4. Phải trả người lao động	164.000.000	0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	0	33.000.000	33.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	43.284.087	0	108.432.624
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.536.563.324	27.000.000.000	27.000.000.000
II. Nợ dài hạn	0	0	0
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0
Tổng cộng	37.750.550.677	40.852.799.060	35.233.126.381

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, BCTC quý 1/2022 của Công ty)

Các khoản phải trả của Công ty chủ yếu là các khoản Nợ ngắn hạn, trong đó các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm gần 70 - 80% tổng các khoản Nợ ngắn hạn, điều này cho thấy nhu cầu sử dụng vốn lưu động của Công ty là rất lớn, và nguồn tài trợ chính là vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại.



- *Phải trả người bán ngắn hạn:* Tại ngày 31/12/2021, khoản phải trả người bán ngắn hạn là 5,96 tỷ đồng, tăng 1,9 tỷ đồng so với năm 2020. Các khoản phải trả người bán đều trong khả năng thanh toán của Công ty. Tính đến hết ngày 31/03/2022, Công ty đã thực hiện thanh toán hết khoản phải trả người bán đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Minh Phú và CTCP Giải pháp CN Nam Long.

- *Người mua trả tiền trước ngắn hạn:* Công ty có khoản tiền người mua trả trước ngắn hạn tăng đều qua các năm, đa số đến từ các khách hàng nước ngoài. Tại ngày 31/12/2021, khoản tiền người mua trả trước ngắn hạn là 6,6 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2020, đã khẳng định được uy tín của Công ty với các đối tác và khách hàng.

- *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:* Là khoản thuế Thu nhập Doanh nghiệp của Công ty. Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- <i>Hệ số thanh toán ngắn hạn</i> (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,9	2,07
- <i>Hệ số thanh toán nhanh</i> (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,04	1,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	40,33	39,18
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	67,61	64,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- <i>Vòng quay hàng tồn kho</i> (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,49	3,93
- <i>Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,5	1,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	2,42	2,02



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,88	5,07
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,64	3,06
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,96	3,03

(Nguồn: CTCP Sản xuất và thương mại Tùng Khánh)

- *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:* Công ty có hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh khá tốt cho thấy công ty luôn đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:* Hiện nay hệ số nợ trên Tổng tài sản của công ty duy trì mức 40%, là tỷ lệ khá an toàn trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính, giảm thiểu các rủi ro về nợ vay trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:* Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của công ty được duy trì ổn định, các chỉ số này đã phản ánh hợp lý hoạt động sản xuất kết hợp thương mại của công ty.

- *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:* Công ty duy trì mức ROE khoảng 5% và ROA khoảng 3% trong giai đoạn năm 2020 – 2021. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng chiếm khoảng 3% Doanh thu thuần cho thấy hiệu quả sinh lời của công ty khá tốt và khá ổn định.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Bảng 22: Danh sách thành HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND
1	Bùi Thị Yến	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	25/09/1963	031069328
2	Phạm Tùng Linh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	21/01/1991	031091010077
3	Phạm Thị Khánh Ly	Thành viên HĐQT không điều hành	08/08/1984	031184004421
4	Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT độc lập	02/08/1989	031089005760
5	Vũ Hữu Trường	Thành viên HĐQT độc lập	05/12/1990	033090006741

Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:

❖ Chủ tịch HĐQT – Bà Bùi Thị Yên

- Họ và tên: Bùi Thị Yên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/09/1963
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031069328; Ngày cấp: 11/01/2013; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Hóa - Sinh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T03/2000 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Phó Giám đốc
T10/2017 – T12/2020	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Phó Giám đốc – Thành viên HĐQT
T12/2020 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Chủ tịch HĐQT - Phó Giám đốc

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	Chồng	1.240	0,02
2	Phạm Toàn Vinh	Con rể	248	0,004
3	Bùi Thị Chiến	Em ruột	248	0,004
4	Tô Văn Thắng	Em rể	248	0,004
5	Bùi Thị Thu Hà	Em ruột	248	0,004



STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
6	Bùi Đỗ Hiền	Em ruột	248	0,004
7	Bùi Thị Ngọc Trâm	Em dâu	248	0,004
Tổng cộng			2.728	0,044

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 143.674.999 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: 115.907.691 đồng
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Thành viên HĐQT – Ông Phạm Tùng Linh

- Họ và tên: Phạm Tùng Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/01/1991
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- CCCD số: 031091010077; Ngày cấp: 02/07/2019; Nơi cấp: Cục cảnh sát
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T04/2015 – T10/2016	Trường Đại học FPT	Cán bộ quản lý chất lượng
T10/2016 – T09/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Thanh tra chất lượng



Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	Bố đẻ	1.240	0,02
2	Phạm Toàn Vinh	Anh rể	248	0,004
Tổng cộng			1.488	0,024

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 138.626.922 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: 113.030.768 đồng
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Bà Phạm Thị Khánh Ly**

- Họ và tên: Phạm Thị Khánh Ly
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/08/1984
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Chung cư Golden Field, A2 đường Nguyễn Cơ Thạch, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Căn cước công dân số: 031184004421; Ngày cấp: 05/05/2016; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Điện tử viễn thông



- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T01/2011 – T06/2015	Trường đại học FPT	Cán bộ phát triển chương trình
T10/2014 – T06/2015	Trường đào tạo cán bộ FPT	Cán bộ phát triển chương trình
T07/2015 – T3/2021	Trung tâm ngoại ngữ trẻ em Xoe Tròn	Cán bộ quản lý vận hành
T06/2017 – T4/2021	Trường tiểu học và THCS FPT	Cán bộ quản lý vận hành
T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	Bố đẻ	1.240	0,02
2	Trần Thị Vân	Mẹ chồng	272.936	4,32
3	Phạm Toàn Vinh	Chồng	248	0,004
Tổng cộng			274.424	4,344

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: Không có



+ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Phạm Xuân Trường**

- Họ và tên: Phạm Xuân Trường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/08/1989
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: tổ 7, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng
- Căn cước công dân số: 031089005760; Ngày cấp: 22/06/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T01/2013 – T05/2018	Kinh doanh tự do	-
T06/2018 – nay	Tự doanh xưởng cơ khí	Chủ hộ kinh doanh
T02/2020 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 248 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
- + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2020: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2021: 29.088.463
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có



❖ **Thành viên HĐQT – Ông Vũ Hữu Trường**

- Họ và tên: Vũ Hữu Trường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/12/1990
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Liêu Xá, Yên Mỹ, Hưng Yên
- Căn cước công dân số: 033090006741; Ngày cấp: 29/06/2020; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – chuyên ngành Tài Chính – Ngân Hàng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc CTCP Bright Holdings
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T5/2012 – T12/2014	Công ty cổ phần công nghiệp Tùng Giang	Nhân viên ban tài chính
T1/2015 – T12/2019	Công ty cổ phần chứng khoán VNDirect	Nhân viên kinh doanh
T1/2020 – T9/2020	Công ty cổ phần dịch vụ cao cấp An Thịnh Phát	Phó Giám đốc phụ trách tài chính
T9/2020 – nay	CTCP Bright Holdings	Tổng Giám đốc
T11/2021 - nay	CTCP Sản xuất và thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có



- + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2020: Không có
- + Tiền lương, thưởng năm 2021: Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát

Bảng 23: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Nguyễn Thị Thùy	Trưởng BKS	24/06/1980	031180001709
2	Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS	25/10/1988	031947054
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	20/10/1987	142257087

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát:

❖ Trưởng BKS – Bà Nguyễn Thị Thùy

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/06/1980
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 20/5/190 Cự Viên, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng
- Căn cước công dân số: 031180001709; Ngày cấp: 15/09/2015; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2006 – T10/2011	Công ty cổ phần Công nghệ xanh	Nhân viên kinh doanh
T11/2011 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
T05/2021 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát



- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - o Sở hữu cá nhân: 248 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - o Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 102.716.830 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: 79.861.540 đồng
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Hương

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/10/1988
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kha Lâm 6, phường Nam Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031947054; Ngày cấp: 08/06/2012; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T06/2011 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
T04/2018 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên Ban Kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:



- Sở hữu cá nhân: 372 cổ phiếu (chiếm 0,006% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
- Sở hữu của người có liên quan:
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 102.270.193 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: 80.175.001 đồng
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Thành viên BKS – bà Nguyễn Thị Huyền**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/10/1987
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chứng minh thư nhân dân số: 142257087; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thăng Long, huyện Kinh Môn, Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Tháng năm	Chức vụ	Đơn vị công tác
T10/2010 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Thủ kho
T10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thủ kho
T04/2018 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên BKS

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 248 cổ phiếu (chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 101.689.424 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: 80.609.618 đồng
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban Giám đốc

Bảng 24: Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND
1	Phạm Tùng Linh	Giám đốc	25/09/1963	031069328
2	Bùi Thị Yến	Phó giám đốc	21/01/1991	031091010077

Lý lịch các thành viên Ban Giám đốc:

❖ Giám đốc – Ông: Phạm Tùng Linh

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

❖ Phó giám đốc – Bà: Bùi Thị Yến

(Lý lịch: Xem mục lý lịch Thành viên HĐQT)

12.4. Kế toán trưởng: Bà Phạm Thúy Nga

- Họ và tên: Phạm Thúy Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/05/1979
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 121 Lý Hồng Nhật, khu 2 Cát Bi, huyện Hải An, Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân số: 031878494; Ngày cấp: 18/05/2011; Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không



– Quá trình công tác:

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T03/2002 – T05/2010	Công ty TNHH Tùng Khánh	Nhân viên kế toán
T05/2010 – T10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Kế toán trưởng
Từ T10/2017 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Kế toán trưởng

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 372 cổ phiếu (chiếm 0,006% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại công ty khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con, công ty do Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ trên 50% vốn điều lệ với cá nhân: Không có
 - + Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - + Tiền lương, thưởng năm 2020: 95.454.328 đồng
 - + Tiền lương, thưởng năm 2021: 83.311.540 đồng
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

13. Tài sản

Bảng 25: Giá trị tài sản cố định công ty

STT	Danh mục tài sản	31/12/2021		% Giá trị còn lại/Nguyên giá
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa vật kiến trúc	22.638.435.334	15.288.023.230	67,53%
2	Máy móc, thiết bị	5.391.941.337	2.949.436.566	54,7%
3	Phương tiện vận tải	2.667.386.713	1.129.160.584	42,33%
	Tổng cộng	30.697.763.384	19.366.620.380	63,08%



(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Hiện Công ty đang sử dụng một số tài sản làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản dùng đảm bảo là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số BN 877638 của Công ty cùng 3 phương tiện vận tải Biển kiểm soát 15C-092.67, 15C-247.28, 15A-347.27 của Công ty.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm: khu đất trụ sở Công ty, nhà xưởng chính, nhà xưởng phụ, cửa hàng, kho bãi, xưởng ngoài trời, các loại máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Trong đó một số tài sản thuộc nhà xưởng của Công ty do quá trình lưu trữ hồ sơ của Công ty chưa đảm bảo (cháy nổ) đã làm thất lạc các chứng từ liên quan, nên khi thực hiện quyết toán thuế và kiểm toán, chi phí khấu hao từ các tài sản không đủ hồ sơ đều bị loại trước khi tính thu nhập chịu thuế TNDN. Danh sách tài sản như sau:

Bảng 26: Tài sản cố định – Nhà cửa, vật kiến trúc

STT	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Trụ sở Công ty	150	Nhà điều hành, khu văn phòng	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
2	Nhà xưởng chính	2.040	Sản xuất sản phẩm inox		
3	Nhà xưởng phụ 1	586,5	Sản xuất đệm		
4	Nhà xưởng phụ 2	637,5	Sản xuất phụ kiện và Kho chứa hàng		
5	Nhà hóa chất	142	Để đánh bóng, mài hàng inox		
6	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	200	Trung bày và giới thiệu sản phẩm		
7	Đất cho các công trình phụ trợ	500	Nhà bảo vệ, nhà xe, nhà vệ sinh...		
8	Sân bãi, kho và xưởng ngoài trời	5.500	Tập kết hàng, kho phụ, và xuất hàng		

Bảng 27: Tài sản cố định: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải

STT	Trang Thiết Bị	Số lượng	Nguyên Giá	Giá Trị Còn Lại
	Thiết bị máy móc sản xuất			
1	Máy cuộn công suất 18.7 kw	01	35.000.000	20.833.333
2	Máy đánh bóng inox	01	35.000.000	20.833.333



3	Máy làm nhỏ đầu ống inox	01	90.000.000	53.571.429
4	Máy tạo hoa trên ống inox	02	90.000.000	53.571.429
5	Máy cắt mút tròn	01	80.000.000	47.619.048
6	Máy cuộn công suất 22.2 kw	01	125.000.000	74.404.762
7	Máy uốn lò xo	01	35.000.000	20.833.333
8	Bộ máy chặt hàn, uốn	01	1.700.995.455	758.373.322
9	Bộ máy máy nén khí + hàn chập	01	542.958.482	288.974.262
10	Máy may trần ADM 90	01	400.000.000	238.095.238
11	Máy tuốt dây thẳng	02	70.000.000	41.666.667
12	Máy xén kim loại hiệu Yunnan	01	400.000.000	238.095.238
13	Máy xén kim loại hiệu NP	01	300.000.000	178.571.429
14	Máy ép thủy lực hiệu YAYA	03	600.000.000	357.142.857
15	Máy hàn kim loại hiệu Daien	03	135.000.000	80.357.143
16	Máy đọt dập kim loại hiệu Dobby	05	275.000.000	163.690.476
17	Máy uốn ống hiệu GZHCH	02	100.000.000	59.523.810
18	Máy phay kim loại hiệu Gambin	01	200.000.000	119.047.619
19	Máy ép thủy lực hiệu AMADA	01	70.000.000	41.666.667
STT	Phương tiện vận tải, bốc xếp	Số lượng	Nguyên giá	GTCL
1	Xe ô tô tải - Pickup	01	645.645.450	317.442.344
2	Xe ô tô tải	04	854.754.977	158.225.108
3	Xe 7 chỗ	01	1.166.986.286	583.493.143

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 28: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2022 - 2023



STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2021	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2022
1	Vốn điều lệ (đồng)	63.153.200.000	24%	63.153.200.000	-
2	Doanh thu thuần (đồng)	160.000.000.000	6,69%	170.000.000.000	6,25%
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	3.500.000.000	15,65%	3.700.000.000	5,71%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	2,19	-	2,18	-
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	5,39	-	5,40	-
6	Cổ tức (%)	24%	-	0%	-

(Nguồn: CTCP Sản xuất và thương mại Tùng Khánh)

Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tổ chức ngày 18/03/2022; kế hoạch kinh doanh năm 2023 dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực tế và dự báo của Công ty. Trong năm 2022, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu 24% từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2021. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2023 được HĐQT Công ty xây dựng, chưa thông qua ĐHĐCĐ.

Căn cứ thực hiện kế hoạch: tiếp nối đà tăng trưởng như các năm vừa qua, Ban lãnh đạo Công ty đã định hướng rõ ràng việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty. Các khách hàng lớn hiện nay của Công ty đều là những khách hàng lâu năm với giá trị hợp đồng lên tới vài tỷ đến vài chục tỷ hàng năm. Do đó, Công ty tiếp tục xây dựng các chính sách đối với khách hàng cũ và mở rộng mạng lưới khách hàng mới, đáp ứng tốt về tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của các đối tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên nghiên cứu, đánh giá xu hướng của nền kinh tế để có những định hướng phát triển phù hợp, đảm bảo hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì chiến lược kinh doanh tập trung vào các mặt hàng kinh doanh truyền thống lâu đời của Công ty. Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty tiếp tục phát triển mạng lưới phân phối thương mại của mình; phát triển bộ phận nghiên cứu



sản phẩm tạo sự nhanh nhạy phản ứng thị trường để lựa chọn sản phẩm thương mại hiệu quả và được thị trường đón nhận tốt.

- Về quản trị doanh nghiệp:
 - Xây dựng Công ty Tùng Khánh thành doanh nghiệp có cơ cấu quản trị điều hành, môi trường làm việc chuyên nghiệp;
 - Đào tạo phát triển quản trị nguồn nhân lực chiến lược; Nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển tài năng của người lao động, có chế độ đãi ngộ xứng đáng cả về vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Về công tác quản lý tài chính:
 - Công tác quản lý tài chính gắn chặt với hoạt động bán hàng và thu hồi công nợ nên cần tiếp tục sàng lọc, lựa chọn khách hàng, đảm bảo an toàn và tăng vòng quay của đồng vốn;
 - Quản lý hệ thống kế toán kịp thời, minh bạch. Các sổ sách, chứng từ được phòng tài chính – kế toán lưu trữ và bảo quản cẩn thận;
 - Quản trị tốt nhất hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ đầu vào, phù hợp với sự biến động của thị trường đầu ra, dự trữ hàng hóa, nguyên vật liệu ở mức độ hợp lý, tránh để tồn kho ứ đọng làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.
- Về công tác thị trường, hoạt động Marketing:
 - Đặc biệt quan tâm và làm tốt công tác điều tra, nắm bắt thị trường; Tổ chức mạng lưới bám sát và nắm bắt thị trường để có các quyết sách tối ưu trong định hướng kinh doanh;
 - Theo sát khách hàng, hợp tác giải quyết triệt để những vấn đề vướng mắc phát sinh sau bán hàng; biến chất lượng dịch vụ trước, trong và sau bán hàng trở thành hoạt động marketing thiết thực và sâu sắc nhất;
 - Đảm bảo cung cấp những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất, cách thức phục vụ chuyên nghiệp nhất nhằm thỏa mãn và làm hài lòng cho các khách hàng, luôn đồng hành và phát triển cùng với khách hàng.
- Về công tác sản xuất - kinh doanh tiêu thụ sản phẩm:
 - Giám sát chặt chẽ quy trình nhập đầu vào hàng hóa; quy trình sản xuất tại các phân xưởng nhà máy. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát, quản lý chất lượng sản phẩm;
 - Coi công tác tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty;



- Tiếp tục củng cố và xây dựng mạng lưới tiêu thụ trong phạm vi khu vực phía Bắc và mở rộng dần thị trường cả trong, ngoài nước;
- Đào tạo nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ sản xuất cũng như đội ngũ bán hàng và đặc biệt là bộ phận làm công tác thị trường;
- Xây dựng chính sách giá cả, chính sách bán hàng hợp lý, mềm dẻo. Đặc biệt chú trọng vào những khách hàng truyền thống, gắn bó lâu dài, giữ được uy tín trong thanh toán với Công ty.

Quý I năm 2022, Công ty ghi nhận mức doanh thu bán hàng 19,98 tỷ đồng đạt 12,5% kế hoạch năm 2022 và ghi nhận Lợi nhuận sau thuế 402 triệu đồng đạt 11,5% kế hoạch năm 2022. Với đặc thù trong quý I có kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài, thêm vào đó sức mua hàng hóa và hoạt động kinh doanh của khách hàng đều chững lại trước và sau dịp nghỉ Tết nên quý I luôn có mức Doanh thu và Lợi nhuận thấp nhất trong các quý trong năm. Với những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch và những kết quả Công ty đã đạt được trong những năm gần đây, Ban lãnh đạo đánh giá kế hoạch kinh doanh của Công ty đưa ra là hoàn toàn có thể thực hiện được.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán APG đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, căn cứ vào tốc độ tăng trưởng sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2020 - 2021, nếu không có những biến động bất thường của nền kinh tế ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành sắt, thép nói chung cũng như của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh nói riêng. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn mang tính chất tham khảo, không đảm bảo giá trị của cổ phiếu, các nhà đầu tư cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ chức đăng ký niêm yết.

16. Các thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.



17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/ cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán: 6.315.312 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

a. Hạn chế chuyển nhượng theo quy định với tổ chức đăng ký niêm yết

Theo quy định tại Khoản 1đ Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP như sau: *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Bảng 29: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 1đ Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên HNX	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng tiếp theo
1	Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT	248	124	124



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên HNX	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng tiếp theo
2	Nguyễn Thị Thùy	Trưởng BKS	248	124	124
3	Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS	372	186	186
4	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	248	124	124
5	Phạm Thúy Nga	Kế toán trưởng	372	186	186
Tổng			1.488	744	744

b. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông nhận phân phối cổ phiếu mà nhà đầu tư không mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2021 có 3.390 cổ phần cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết được Hội đồng quản trị phân phối lại cho bà Hoàng Thị Hà Phương (là cổ đông không giữ chức vụ trong Công ty). Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành (từ ngày 18/11/2021 đến ngày 18/11/2022).

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu TKG như sau:

Bảng 30: Giá trị sổ sách cổ phiếu TKG

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2021
Vốn chủ sở hữu (A)	Đồng	55.836.254.204	63.416.918.021
Số lượng Cổ phần đang lưu hành (B)	Cổ phần	4.630.000	5.093.000
Giá trị sổ sách mỗi Cổ phần (C) = (A)/(B)	Đồng	12.060	12.452

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của CTCP Sản xuất và thương mại Tùng Khánh)

Giá niêm yết của cổ phiếu TKG được xác định theo phương pháp dưới đây:

Theo giá bình quân gia quyền của giá tham chiếu 20 phiên giao dịch liên tiếp cuối cùng tại sàn Upcom trước khi hủy đăng ký giao dịch để niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TKG sẽ được xác định lại sau khi HNX cấp quyết định niêm yết và TKG hủy đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty sẽ thông báo đến HNX về mức giá tham chiếu chính thức và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ theo công văn của Ủy ban chứng khoán nhà nước số 3311/UBCK-PTTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh là: 0%.

Tại thời điểm 02/06/2022, số lượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh là 0 cổ phần.

7. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan tới Công ty:

- + Thuế GTGT của Công ty hạch toán theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất 10% trên giá tính thuế trừ những mặt hàng được hưởng chính sách miễn thuế, giảm thuế quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 01 năm 2022.
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp: theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.
- + Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam như: Thuế xuất nhập khẩu, Thuế môn bài, ...

Các loại thuế liên quan tới cổ đông:

❖ Nhà đầu tư cá nhân

+ *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- ❖ Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế



suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

- ❖ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

+ *Thu nhập từ cổ tức:*

- ❖ Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC, thì thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ❖ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Nhà đầu tư là tổ chức**

+ *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

- ❖ Đối với Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ❖ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

+ *Thu nhập từ cổ tức:* Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.



Điện thoại: 024 3941 0277

Fax: 024 3941 0323

Website: <https://apsi.vn/>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

2.1. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số MHT05-04 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 022 5353 4655

Website: <http://www.vaco.com.vn>

2.2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: tầng 5 (tầng văn phòng) Tháp B2 tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 5678 3999

Fax: 024 5678 3999

Website: <https://uhy.vn/>

VII. PHỤ LỤC

- 1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD;**
- 2. Điều lệ Công ty;**
- 3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính quý 1/2022;**
- 4. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết**

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM
YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2022

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Yến

Phạm Tùng Linh

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thùy

Phạm Thúy Nga

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG



Trần Thiên Hà